



BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

SỞ CÔNG THƯƠNG TRÀ VINH

ĐC: SỐ 02 LÝ TỰ TRỌNG, PHƯỜNG 1, TP. TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH

Website: <http://sct.travinh.gov.vn> - Điện thoại: 0294 3852 594

Số 19

Ngày 10/11/2021



TÀI LIỆU THAM KHẢO - PHỤC VỤ ĐIỀU HÀNH QUẢN LÝ

BẢN TIN THỊ TRƯỜNG TỔNG HỢP HÀNG TUẦN - PHÂN TÍCH - DỰ BÁO

**Thông tin phục vụ cho lãnh đạo các đơn vị, doanh nghiệp
tham khảo, điều hành**

<i>Trong số này:</i>	<i>Trang</i>
MỘT SỐ THÔNG TIN ĐÁNG CHÚ Ý	1
Kinh tế thế giới	1
Kinh tế trong nước	2
Thông tin chính sách và phổ biến ứng dụng khoa học kỹ thuật	3
THÔNG TIN NÔNG SẢN	4
Tình hình sản xuất và xuất nhập khẩu nông, lâm, thủy sản đến hết tháng 10/2021	4
Đẩy mạnh xuất khẩu rau quả Việt Nam sang thị trường EU	7
THÔNG TIN THỦY SẢN	9
Xuất khẩu tôm tháng 9/2021 tiếp tục giảm, doanh nghiệp nỗ lực phục hồi sản xuất	9
Nguy cơ đổ vỡ chuỗi sản xuất và cung ứng cá tra	10
THÔNG TIN CHĂN NUÔI	12
Giá heo hơi phục hồi từ các mức thấp	12
Các bộ ngành cùng tìm giải pháp bình ổn thị trường, hỗ trợ người dân, ổn định sản xuất	14
THÔNG TIN LÚA GẠO	16
Giá gạo xuất khẩu chào bán của Việt Nam điều chỉnh để tăng sức cạnh tranh	16
THÔNG TIN VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP	18
Tổng quan thị trường thức ăn chăn nuôi và dự báo	18
Nhập khẩu thuốc trừ sâu tiếp tục có chiều hướng tăng mạnh	20
THÔNG TIN XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI	21
Dừa sáp Trà Vinh lần đầu được xuất khẩu bằng đường hàng không sang Australia với số lượng lớn	21
THÔNG TIN GIAO THƯƠNG	23
THÔNG TIN CẢNH GIÁC	26
Đường nhập khẩu tiếp tục gây sức ép lên đường nội địa	26
THÔNG TIN AN TOÀN THỰC PHẨM	27
Thực phẩm chứa cần sa tiềm ẩn nhiều nguy hại cho sức khỏe	27
GIÁ CẢ THỊ TRƯỜNG	28
Giá cả trong tỉnh	28

MỘT SỐ THÔNG TIN ĐÁNG CHÚ Ý

1. KINH TẾ THẾ GIỚI

Kinh tế Trung Quốc đang có dấu hiệu rơi vào lạm phát đình đốn

Theo báo cáo khảo sát chính thức được công bố vừa qua cho thấy, hoạt động của các nhà máy ở Trung Quốc đã giảm nhiều hơn dự kiến trong tháng 10, chỉ số nhà quản trị mua hàng sản xuất hiện đang ở mức thấp.

Ông Zhang Zhiwei, Kinh tế trưởng tại Pinpoint Asset Management cho biết, chỉ số sản xuất hiện đã giảm xuống mức thấp nhất kể từ khi được công bố vào năm 2005, ngoại trừ cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2008 và sự bùng phát của Covid-19 vào tháng 2/2020. Trong khi ở chiều ngược lại, chỉ số giá đầu ra đã tăng lên mức cao nhất kể từ khi được công bố vào năm 2016. Những tín hiệu này xác nhận rằng nền kinh tế Trung Quốc có khả năng đã và đang trải qua tình trạng lạm phát đình đốn.



Lạm phát đình đốn hay đình phát là khi nền kinh tế đồng thời trải qua hoạt động đình trệ và tăng tốc lạm phát. Hiện tượng này lần đầu tiên được ghi nhận vào những năm 1970 khi một cú sốc dầu mỏ khiến giá cả leo thang kéo dài nhưng tăng trưởng GDP lại giảm mạnh. Một dấu hiệu đáng lo ngại là lạm phát chuyển từ giá đầu vào sang giá đầu ra. Lạm phát giá đầu vào đã ở mức cao trong nhiều tháng do giá nguyên nhiên vật liệu tăng cao và bắt đầu phản ánh ở giá đầu ra, đặc biệt sự tăng vọt của chỉ số giá đầu ra trong tháng 10 là đáng báo động.

Áp lực lạm phát đang được truyền từ các công ty “thượng nguồn” xuống “hạ nguồn”. “Thượng nguồn” đề cập đến nguyên liệu đầu vào cần thiết để sản xuất hàng hóa, trong khi hoạt động “hạ nguồn” là những hoạt động gần gũi hơn với khách hàng là nơi sản phẩm được tạo ra và phân phối.

Ông Raymond Yeung, Kinh tế trưởng chuyên nghiên cứu về Trung Quốc của ANZ chỉ ra rằng ngành công nghiệp Trung Quốc đang ở trong một tình huống rất khó khăn.

Theo kết quả khảo sát của Capital Economics, sản lượng của nhà máy bị kìm hãm do nguồn cung điện giảm, thiếu nguyên liệu và chi phí đầu vào cao. Trung Quốc hiện đang phải đối mặt với một cuộc khủng hoảng điện năng nghiêm trọng, vì nước này phải vật lộn với tình trạng thiếu than. Nền kinh tế Trung Quốc đang đối mặt với nhiều thách thức. Mức tăng trưởng 4,9% so với cùng kỳ năm trước được ghi nhận trong quý III là mức chậm nhất trong năm và đáng thất vọng do hoạt động công nghiệp tăng ít hơn dự kiến. Theo các nhà phân tích tham gia cuộc thăm dò ý kiến của Reuters, điều đó đã bỏ lỡ kỳ vọng tăng 5,2%. Sản xuất công nghiệp tăng 3,1% trong tháng 9, thấp hơn mức 4,5% mà Reuters dự đoán.

Bên cạnh tình trạng suy thoái nguồn điện đã ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của các nhà máy, sự suy thoái trong lĩnh vực bất động sản cũng làm giảm tốc độ tăng trưởng. Dữ liệu từ Cục Thống kê Quốc gia cho thấy, đầu tư vào tài sản cố định trong ba quý đầu năm yếu hơn dự kiến, chỉ tăng 7,3% so với một năm trước và thấp hơn so với dự kiến là 7,9%.

Ông Chaoping Zhu, Chiến lược gia thị trường toàn cầu tại JP Morgan Asset Management cho biết, các hoạt động đầu tư đã bị giảm bớt do các điều kiện tín dụng thắt chặt. Ước tính đầu tư tài sản cố định đã giảm 2,5% trong tháng 9 so với cùng kỳ, chủ yếu kéo theo sự sụt giảm 3,5% vào đầu tư bất động sản.

Nguồn: Ban biên tập Bản tin Thị trường - TT Thông tin Công nghiệp và Thương mại, Bộ Công Thương

2. KINH TẾ TRONG NƯỚC

Phục hồi chuỗi sản xuất công nghiệp theo các nhóm “nguy cơ”

Nhận định dịch Covid-19 đã trong tầm kiểm soát nhưng vẫn chưa hết nguy cơ, các địa phương đã triển khai nhiều kịch bản để ứng phó, thích nghi, nối lại chuỗi sản xuất, đảm bảo cung ứng hàng hoá cho người dân.

Ngoài phương án sản xuất tại 3 tại chỗ, doanh nghiệp đã triển khai phương án cho người lao động đi về hàng ngày với điều kiện đảm bảo an toàn trong phòng chống dịch Covid-19. Các địa phương cũng đã phân loại nhóm doanh nghiệp theo các hướng ít nguy cơ, nguy cơ thấp và nguy cơ trung bình. Tại tỉnh Đồng Nai: Theo đánh giá nguy cơ lây nhiễm Covid-19, trên địa bàn tỉnh có 3.328 doanh nghiệp thuộc nhóm ít nguy cơ, 695 doanh nghiệp thuộc nhóm nguy cơ thấp và 49 doanh nghiệp thuộc nhóm nguy cơ trung bình. Tỉnh cũng đã chia ra 2 đối tượng doanh nghiệp gồm trong Khu công nghiệp và ngoài khu công nghiệp.

Theo thống kê, tại các khu công nghiệp, có 429 doanh nghiệp thực hiện cùng lúc phương án “3 tại chỗ” và đi về hàng ngày với tổng số lao động là 108.302 người. Trong đó đang lưu trú là 40.851 người và đi về hàng ngày là 67.451 người. 1.146 doanh nghiệp thực hiện phương án đi về hàng ngày, không áp dụng phương án 3 tại chỗ, với tổng số lao động đi về hàng ngày là 376.682 người. Lũy kế đến sáng ngày 28/10/2021, tổng số doanh nghiệp đang hoạt động trong khu công nghiệp là 1.582/1.713 doanh nghiệp (đạt tỷ lệ 92%) với tổng số lao động đang làm việc là 497.050/615.358 người (đạt tỷ lệ 81%). Tỉnh cũng đang ghi nhận số dự án vẫn đang tạm ngưng hoạt động là 138 dự án và số lao động vẫn chưa quay trở lại làm việc là 118.308 người. Tại ngoài Khu công nghiệp (thuộc lĩnh vực công nghiệp), tính đến sáng ngày 28/10, tổng số doanh nghiệp đang hoạt động ngoài khu công nghiệp là 298 cơ sở với tổng số lao động đang làm việc là 64.316 người.

Trong đó, số doanh nghiệp có số lao động trên 100 lao động đang triển khai phương án hoạt động theo Công văn số 12419/UBND-KGVX ngày 11/10/2021 của UBND tỉnh do Sở Lao động Thương binh và Xã hội phê duyệt là 241 doanh nghiệp, với 96.210 người lao động. Các doanh nghiệp đang ngừng hoạt động do không thực hiện 03 tại chỗ trước khi công văn 12419/UBND-KGVX ngày 11/10/2021 của UBND tỉnh có hiệu lực, nay có nhu cầu hoạt động trở lại và được chấp thuận cho người lao động đi, về hàng ngày là 195/241 doanh nghiệp (đạt tỷ lệ 80,9%) với 59.649/96.210 người lao động (đạt tỷ lệ 62%).

Số doanh nghiệp thực hiện phương án 3 tại chỗ, đi về trong ngày có số lao động dưới 100 lao động được UBND các huyện, thành phố phê duyệt là 103 doanh nghiệp, với 4.667 người lao động. Tại tỉnh Long An, theo ghi nhận của Tổ Công tác đặc biệt phía Nam của Bộ Công Thương, hiện có khoảng 6.500/13.483 doanh nghiệp đã hoạt động trở lại (chiếm khoảng 48,2% trên tổng số doanh nghiệp đăng ký hoạt động trên địa bàn tỉnh). Tuy nhiên, trên thực tế sau khi UBND tỉnh ban hành kế hoạch số 3222/KH-UBND thì đa số các doanh nghiệp (khoảng 80%) trên địa bàn tỉnh đã hoạt động trở lại nhưng chưa kịp thời gửi phương án phục hồi sản xuất, kinh doanh về cơ quan quản lý.

Trong đó, có 2.473 doanh nghiệp sản xuất trở lại hoạt động với 210.714 lao động (bao gồm số doanh nghiệp đăng ký hoạt động 3 tại chỗ trước đây, doanh nghiệp được thẩm định phương án phục hồi sản xuất theo Kế hoạch số 2962/KH-UBND và số doanh nghiệp có đăng ký phương án phục hồi sản xuất mới theo KH 3222/KH-UBND). Ngoài ra, có khoảng 4.000 doanh nghiệp đăng ký hoạt động ở lĩnh vực kinh doanh dịch vụ hàng hóa thiết yếu với khoảng 57.800 lao động, sau khi tỉnh áp dụng Chỉ thị số 15/CT-TTg trên phạm vi toàn tỉnh thì hầu hết các doanh nghiệp này cũng đã hoạt động trở lại.

Tại các khu công nghiệp Bình Dương, tính đến ngày 28/10/2021, đã có 1.968 doanh nghiệp trong các KCN của tỉnh tiến hành khôi phục lại hoạt động sản xuất kinh doanh, đạt trên 96%. Số lượng lao động trở lại làm việc trong các công ty là gần 373 ngàn người, đạt 76,38%. Trong đó, mô hình “3 xanh” có gần 285 ngàn lao động, mô hình “3 tại chỗ” có 44.211 lao động và mô hình “3 tại chỗ linh hoạt” có 43.192 người lao động.

Sau khoảng 1 tháng phục hồi sản xuất kinh doanh, các doanh nghiệp trong các KCN của tỉnh Bình Dương đã nhanh chóng tổ chức lại hoạt động sản xuất, kinh doanh, bảo đảm an toàn trong phòng, chống dịch COVID-19, nhằm đẩy mạnh sản xuất, lấy lại đà tăng trưởng kinh tế trong những tháng cuối năm 2021. Trong đó, nhiều công ty có tỷ lệ lao động quay lại làm việc đạt gần 100% và sản xuất khôi phục lại hoàn toàn. Hầu hết, người lao động làm việc tại các nhà máy, xí nghiệp đều đã được tiêm vaccine phòng COVID-19 mũi 1 và đang tiến hành tiêm phụ mũi 2.

Nguồn: Ban biên tập Bản tin Thị trường - TT Thông tin Công nghiệp và Thương mại, Bộ Công Thương

3. THÔNG TIN CHÍNH SÁCH VÀ PHỖ BIẾN ỨNG DỤNG KHOA HỌC KỸ THUẬT

Bổ sung quy định áp dụng Biểu thuế xuất nhập khẩu ưu đãi theo Hiệp định CPTPP

Bộ Tài chính đang lấy ý kiến góp ý của nhân dân với dự thảo Nghị định sửa đổi Nghị định số 57/2019/NĐ-CP của Chính phủ ban hành Biểu thuế xuất khẩu ưu đãi, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương giai đoạn 2019-2022.

Để triển khai thực hiện cam kết về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu của Việt Nam theo Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (Hiệp định CPTPP), Bộ Tài chính đã trình Chính phủ ban hành Nghị định số 57/2019/NĐ-CP ngày 26/6/2019 ban hành Biểu thuế xuất khẩu ưu đãi, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định CPTPP giai đoạn 2019-2022. Nghị định áp dụng cho 6 nước thành viên đã phê chuẩn Hiệp định đến ngày 26/6/2019 gồm Australia, Canada, Nhật Bản, Mexico, New Zealand, Singapore.

Theo thông báo của Bộ Công Thương tại Công văn số 4510/BCT-ĐB ngày 28/7/2021 về việc rà soát, sửa đổi hoặc bổ sung các văn bản pháp luật để thực thi cam kết Hiệp định CPTPP đối với Peru, ngày 21/7/2021, Peru đã chính thức hoàn tất các thủ tục trong nước phê chuẩn Hiệp định CPTPP và thực hiện thủ tục thông báo theo quy định của Hiệp định. Hiệp định CPTPP sẽ chính thức có hiệu lực đối với Peru vào ngày 19/9/2021. Bộ Tài chính cần xây dựng dự thảo và trình Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi Nghị định số 57/2019/NĐ-CP ngày 26/6/2019 ban hành Biểu thuế xuất khẩu ưu đãi, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định CPTPP giai đoạn 2019-2022 để bổ sung quy định áp dụng đối với Peru.

Do vậy, việc xây dựng và ban hành Nghị định sửa đổi Nghị định 57/2019/NĐ-CP là cần thiết để thực thi cam kết quốc tế, đảm bảo tính đồng bộ của hệ thống pháp luật và phù hợp với Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu năm 2016. Dự thảo sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2019/NĐ-CP trong đó: Bổ sung các quy định về thuế suất thuế xuất khẩu ưu đãi, thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt để áp dụng đối với hàng hóa xuất khẩu từ Việt Nam vào Cộng hòa Peru hoặc nhập khẩu vào Việt Nam từ Cộng hòa Peru.

Bổ sung các quy định về điều kiện áp dụng thuế suất thuế xuất khẩu ưu đãi, thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt để áp dụng đối với hàng hóa xuất khẩu từ Việt Nam vào Cộng hòa Peru hoặc nhập khẩu vào Việt Nam từ Cộng hòa Peru. Về nội dung chuyên tiếp, do Hiệp định CPTPP có hiệu lực đối với Peru từ ngày 19/9/2021 và Nghị định sửa đổi sẽ được Chính phủ ký ban hành sau ngày Hiệp định có hiệu lực đối với Peru, Bộ Tài chính dự thảo quy định về xử lý thuế đối với các tờ khai hải quan của các mặt hàng xuất khẩu từ Việt Nam vào Peru hoặc nhập khẩu vào Việt Nam từ Peru đăng ký từ ngày 19/9/2021 đến trước ngày Nghị định sửa đổi có hiệu lực thi hành nếu đáp ứng đủ điều kiện để được hưởng thuế xuất khẩu ưu đãi, thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt quy định tại Nghị định này.

Giống cà chua lai VT15

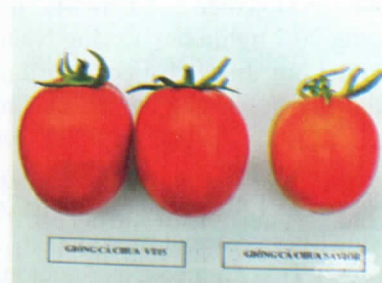
Ở Việt Nam, cà chua là cây rau ăn quả được trồng và tiêu thụ phổ biến trong cả nước. Sản xuất cà chua cho hiệu quả kinh tế khá cao so với các loại cây thực phẩm khác, tuy nhiên diện tích trồng cà chua ở nước ta trong thời gian qua giảm dần, nguyên nhân là do thiếu nguồn giống có khả năng chịu nhiệt, cho năng suất cao, chất lượng tốt để mở rộng sản xuất trong vụ xuân hè và thu đông.

Xuất phát từ thực tiễn trên, các nhà khoa học thuộc Viện Cây lương thực và Cây thực phẩm đã nghiên cứu chọn tạo thành công giống cà chua VT15 từ hợp lai D15 x D24. Cà chua VT15 có khả năng sinh trưởng, phát triển tốt, thời gian thu quả từ khi trồng là 75-80 ngày, quả có dạng tròn cao, cùi quả dày, hàm lượng chất khô và độ Brix lần lượt đạt 5,8 và 5,2%, khi chín quả màu đỏ tươi, đẹp. Đặc biệt, cà chua lai VT15 mang gen kháng bệnh virus Ty2 và Ty3 nên khả năng kháng bệnh virus xoắn vàng lá trên đồng ruộng khá, khả năng chịu nóng, chống chịu bệnh mốc sương, bệnh héo xanh do vi khuẩn khá. Kết quả khảo nghiệm sản xuất tại các tỉnh Hà Nam, Hưng Yên, Hải Dương, Bắc Giang cho thấy, năng suất trung bình đạt 46-47 tấn/ha ở vụ xuân hè và 62-68 tấn/ha ở vụ thu đông, vượt so với đối chứng (giống Savior) trên 15%.

Chi tiết xin liên hệ: TS Đoàn Xuân Cảnh - Viện Cây lương thực và Cây thực phẩm

Xã Liên Hồng, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương; Điện thoại: 0220.3716463

Nguồn: Ban biên tập Bản tin Thị trường - TT Thông tin Công nghiệp và Thương mại, Bộ Công Thương



THÔNG TIN NÔNG SẢN

Tình hình sản xuất và xuất nhập khẩu nông, lâm, thủy sản đến hết tháng 10/2021

Sản xuất nông, lâm, thủy sản

Báo cáo từ Tổng cục Thống kê cho thấy, sản xuất nông nghiệp trong tháng 10/2021 tập trung vào chăm sóc, thu hoạch lúa mùa, lúa thu đông trên cả nước và gieo trồng cây màu vụ đông ở phía Bắc. Chăn nuôi gặp khó khăn do giá bán thấp, nguồn cung tăng trong khi nhu cầu về thực phẩm vẫn thấp do tác động của dịch bệnh. Sản xuất lâm nghiệp có nhiều thuận lợi khi các địa phương gỡ bỏ giãn cách xã hội, hoạt động trồng rừng và khai thác gỗ bắt đầu vào đà tăng để đạt kế hoạch năm 2021. Các doanh nghiệp chế biến thủy sản đang dần phục hồi sản xuất, tăng công suất hoạt động. Chuỗi cung ứng sản xuất-chế biến-tiêu thụ sản phẩm nông, lâm nghiệp và thủy sản dần được hồi phục.

+ Nông nghiệp

Vụ lúa mùa năm 2021 cả nước gieo cấy được 1.558,8 nghìn ha, bằng 98,3% vụ mùa năm trước, trong đó: Các địa phương phía Bắc đạt 1.040,9 nghìn ha, bằng 99,1% (giảm 9,3 nghìn ha); các địa phương phía Nam đạt 517,9 nghìn ha, bằng 96,7% (giảm 17,7 nghìn ha). Diện tích gieo cấy lúa vụ mùa năm nay giảm chủ yếu do các địa phương chuyển đổi mục đích sử dụng đất, chuyển đổi cơ cấu sản xuất sang trồng cây hàng năm khác hoặc cây lâu năm có hiệu quả kinh tế cao hơn hoặc sang nuôi trồng thủy sản.

Tính đến trung tuần tháng 10/2021, cả nước thu hoạch được 995,5 nghìn ha lúa mùa, chiếm 64,1% diện tích gieo cấy và bằng 96,4% cùng kỳ năm trước, trong đó: Các địa phương phía Bắc thu hoạch được 698,7 nghìn ha, chiếm 67,1% và bằng 98%; các địa phương phía Nam thu hoạch được 296,8 nghìn ha, chiếm 57,3% và bằng 92,7%. Mặc dù thời tiết đầu vụ không thuận lợi, hạn hán trên diện rộng gây khó khăn cho việc gieo cấy nhưng trong quá trình cây lúa sinh trưởng và phát triển, nắng mưa xen kẽ nguồn nước được bảo đảm, cây lúa đẻ nhánh nhanh và đồng đều, công tác phòng trừ dịch bệnh trên cây trồng kịp thời nên ước tính năng suất lúa mùa năm nay đạt 51,5 tạ/ha, tăng 0,4 tạ/ha so với năm trước. Tuy nhiên, do diện tích gieo trồng giảm nên sản lượng lúa mùa năm nay ước tính đạt 8,03 triệu tấn, giảm 73,5 nghìn tấn so với vụ mùa trước.

Cùng với chăm sóc và thu hoạch lúa mùa, các địa phương trên cả nước hoàn thành sản xuất lúa hè thu với diện tích gieo trồng đạt 1.954 nghìn ha, tăng 8,9 nghìn ha so với vụ hè thu năm 2020. Thời tiết vụ hè thu năm nay cơ bản thuận lợi cho cây lúa sinh trưởng và phát triển nên năng suất đã tăng trở lại với 56,5 tạ/ha, tăng 1,2 tạ/ha so với vụ hè thu trước; sản lượng đạt 11,04 triệu tấn, tăng 282,8 nghìn tấn. Trong đó, một số địa phương ở vùng Bắc Trung bộ và Duyên hải miền trung có diện tích và sản lượng lúa hè thu tăng: Khánh Hoà diện tích tăng 11,2 nghìn ha và sản lượng tăng 66,7 nghìn tấn; Bình Định tăng 3,2 nghìn ha và tăng 20,7 nghìn tấn; Quảng Ngãi tăng 2,7 nghìn ha và tăng 15,3 nghìn tấn. Riêng vùng Đồng bằng sông Cửu Long diện tích gieo trồng đạt 1.509 nghìn ha, giảm 15,1 nghìn ha so với vụ hè thu năm trước, năng suất đạt 56,6 tạ/ha, tăng 1 tạ/ha, sản lượng đạt 8,55 triệu tấn, tăng 76,7 nghìn tấn.

Đến giữa tháng 10/2021, vùng Đồng bằng sông Cửu Long gieo cấy được 672 nghìn ha lúa thu đông, bằng cùng kỳ năm trước. Đến nay, toàn vùng đã thu hoạch 272,7 nghìn ha, chiếm 40,6% diện tích gieo cấy và bằng 91,4% cùng kỳ năm trước. Diện tích lúa còn lại hiện nay chủ yếu ở giai đoạn chắc xanh đến chín, sinh trưởng và phát triển khá tốt.

Tiến độ gieo trồng màu vụ đông tại các địa phương phía Bắc đạt thấp hơn so với cùng kỳ do ảnh hưởng của bão, áp thấp nhiệt đới và mưa nhiều. Tính đến ngày 15/10/2021, cả nước gieo trồng được 63,8 nghìn ha ngô, bằng 94,1% cùng kỳ năm trước; 7,7 nghìn ha khoai lang, bằng 70%; 2 nghìn ha đậu tương, bằng 87%; 3,7 nghìn ha lạc, bằng 90,2%; 79,3 nghìn ha rau đậu, bằng 99%.

Chăn nuôi heo đang đứng trước nhiều khó khăn khi giá thịt heo hơi trong tháng Mười tiếp tục giảm sâu so với tháng trước do nguồn cung đã phục hồi nhưng nhu cầu tiêu thụ thấp, thêm vào đó giá các chi phí đầu vào tăng cao khiến nhiều cơ sở chăn nuôi bị thua lỗ. Chăn nuôi gia cầm gặp khó khăn do chi phí sản xuất tăng, nhu cầu thị trường giảm, lượng vật nuôi tồn đọng trong chuồng cao, tình trạng thua lỗ kéo dài.

Chăn nuôi trâu, bò trong tháng nhìn chung ổn định, dịch viêm da nổi cục đang dần được kiểm soát nhưng nguy cơ tái phát vẫn còn cao. Chính quyền địa phương và các cơ quan chuyên ngành cần tiếp tục triển khai các giải pháp phòng, chống dịch bệnh, tổ chức hiệu quả việc tiêm vắc xin; giám sát, phát hiện và

xử lý kịp thời các ổ dịch mới phát sinh; xử lý nghiêm các trường hợp vận chuyển, mua bán trâu, bò trái phép, không rõ nguồn gốc.



Tính đến ngày 20/10/2021, cả nước không còn dịch heo tai xanh và dịch lở mồm long móng; dịch cúm gia cầm còn ở Lạng Sơn; dịch tả heo châu Phi còn ở 42 địa phương và dịch viêm da nổi cục còn ở 28 địa phương chưa qua 21 ngày.

+ Lâm nghiệp

Diện tích rừng trồng mới tập trung cả nước tháng 10/2021 ước tính đạt 30,5 nghìn ha, tăng 2,3% so với cùng kỳ năm trước; số cây lâm nghiệp trồng phân tán đạt 13,8 triệu cây, tăng 8,0%. Do thời tiết thuận lợi nên hoạt động trồng rừng tăng khá tại một số địa phương như: Lào Cai đạt 652 ha, tăng 12,0% so với cùng kỳ năm trước; Thanh Hóa 1.045 ha, tăng 8,3%; Nghệ An 2.771 ha, tăng 10,8%; Quảng Trị 1.707 ha, tăng 22,7%. Các cơ sở chế biến gỗ dần dần hoạt động bình thường, nhiều nhà máy đã bắt đầu khởi động sản xuất các đơn hàng phục vụ nhu cầu cuối năm khiến nhu cầu gỗ nguyên liệu tăng, giá gỗ keo tăng nhẹ nên người dân đẩy mạnh khai thác keo. Sản lượng gỗ khai thác tháng Mười đạt 1.700 nghìn m³, tăng 3,2%; sản lượng củi khai thác đạt 1,4 triệu ste, giảm 2,2%.

Tính chung 10 tháng năm 2021, diện tích rừng trồng mới tập trung ước tính đạt 206,4 nghìn ha, tăng 2,5% so với cùng kỳ năm trước; số cây lâm nghiệp trồng phân tán đạt 78,9 triệu cây, tăng 3,3%; sản lượng gỗ khai thác đạt 14.289 nghìn m³, tăng 4,2%; sản lượng củi khai thác đạt 15,7 triệu ste, giảm 0,9%.

Trong tháng 10/2021, diện tích rừng bị thiệt hại là 121,9 ha, tăng 34,4% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm: Diện tích rừng bị cháy là 34,4 ha, gấp 2,3 lần; diện tích rừng bị chặt, phá là 87,5 ha, tăng 15,1%. Các tỉnh có diện tích rừng bị cháy cao trong tháng là Quảng Nam 26,1 ha, Bắc Giang 4,1 ha, Bình Định 3,2 ha. Ước tính 10 tháng năm 2021, diện tích rừng bị thiệt hại là 1.979,0 ha, tăng 44,8% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm: Diện tích rừng bị cháy là 1.229,0 ha, tăng 98,7%; diện tích rừng bị chặt, phá là 750,0 ha, tăng 0,3%.

+ Thủy sản

Sản lượng thủy sản tháng 10/2021 ước tính đạt 798,1 nghìn tấn, tăng 0,1% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm: Cá đạt 555,7 nghìn tấn, tăng 0,8%; tôm đạt 135,8 nghìn tấn, giảm 0,1%; thủy sản khác đạt 106,6 nghìn tấn, giảm 2,8%.

Sản lượng thủy sản nuôi trồng trong tháng ước tính đạt 492,1 nghìn tấn, tăng 0,9% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Cá đạt 324,7 nghìn tấn, tăng 1,2%; tôm đạt 123,4 nghìn tấn, tăng 0,1%.

Tính đến trung tuần tháng 10/2021, giá cá tra nguyên liệu ở các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long dao động ở mức 22.000-23.500 đồng/kg, tăng 500-1.000 đồng/kg so với các tháng thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị số 16/CT-TTg. Do dịch Covid-19 dần được kiểm soát nên việc thu hoạch, tiêu thụ và vận chuyển thuận lợi hơn. Sản lượng cá tra tháng Mười ước tính đạt 143,7 nghìn tấn, tăng 6,1% so với cùng kỳ năm trước.

Giá tôm thẻ chân trắng nguyên liệu tăng ở tất cả kích cỡ tại các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long. Các doanh nghiệp chế biến tôm đang trên đà phục hồi sản xuất, tăng dần công suất hoạt động so với những tháng có dịch Covid-19 bùng phát. Sản lượng tôm thẻ chân trắng tháng 10/2021 ước tính đạt 85,3 nghìn tấn, tăng 0,4% so với cùng kỳ năm trước; tôm sú đạt 33,6 nghìn tấn, giảm 0,9%.

Sản lượng thủy sản khai thác tháng 10/2021 ước tính đạt 306,0 nghìn tấn, giảm 1,0% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm: Cá đạt 231,0 nghìn tấn, tăng 0,1%; tôm đạt 12,4 nghìn tấn, giảm 1,6%; thủy sản khác đạt 62,6 nghìn tấn, giảm 4,8%. Sản lượng thủy sản khai thác biển tháng Mười ước tính đạt 288,1 nghìn tấn, giảm 1,0% so với cùng kỳ năm trước. Khai thác thủy sản chưa khả quan do một số địa phương vẫn chịu ảnh hưởng của dịch Covid-19, cộng với ảnh hưởng của áp thấp nhiệt đới và bão tại các tỉnh Duyên hải Nam Trung bộ, khiến số lượng tàu nằm bờ không hoạt động tăng nhiều so với cùng kỳ năm trước.

Tính chung 10 tháng năm 2021, sản lượng thủy sản ước tính đạt 7.175,4 nghìn tấn, giảm 0,2% so với



cùng kỳ năm trước, bao gồm: Sản lượng thủy sản nuôi trồng đạt 3.812,2 nghìn tấn, giảm 0,8%; sản lượng thủy sản khai thác đạt 3.363,2 nghìn tấn, tăng 0,5% (sản lượng thủy sản khai thác biển đạt 3.205,6 nghìn tấn, tăng 0,6%).

Xuất nhập khẩu nông, lâm, thủy sản

10 tháng năm 2021, thị trường xuất khẩu nông lâm thủy sản lớn nhất của Việt Nam là Hoa Kỳ, đạt trên 10,8 tỷ USD, chiếm 27,9% thị phần. Ở chiều ngược lại, Hoa Kỳ cũng trở thành thị trường xuất khẩu nông sản sang Việt Nam lớn nhất, đạt gần 3,3 tỷ USD, chiếm 9,2% thị phần, trong đó mặt hàng bông chiếm 36,4% giá trị.

+ Xuất khẩu

Theo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, tháng 10/2021, kim ngạch xuất khẩu nông lâm thủy sản ước đạt trên 3,4 tỷ USD, giảm 15,6% so với tháng 10/2020 nhưng tăng 4,2% so với tháng 9/2021. Tính chung 10 tháng năm 2021, kim ngạch xuất khẩu nông lâm thủy sản ước đạt gần 38,8 tỷ USD, tăng 13,1% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, xuất khẩu nhóm nông sản chính ước đạt gần 17,4 tỷ USD, tăng 12,7%; lâm sản chính đạt khoảng 12,8 tỷ USD, tăng 22,3%; thủy sản đạt gần 6,9 tỷ USD, giảm 0,8%; chăn nuôi ước đạt 359 triệu USD, tăng 6,1%; nhóm đầu vào sản xuất khoảng 1,4 tỷ USD, tăng 22,3%.

Tính chung 10 tháng đầu năm, nhiều sản phẩm/nhóm sản phẩm có giá trị xuất khẩu tăng gồm: Cà phê, cao su, gạo, nhóm hàng rau quả, hồ tiêu, hạt điều, sắn và sản phẩm từ sắn, sản phẩm chăn nuôi, tôm; sản phẩm gỗ; mây, tre, cói thảm; quế,...

Trong đó, cao su, hạt điều, sắn và sản phẩm từ sắn, tăng cả khối lượng và giá trị xuất khẩu. Cụ thể, xuất khẩu cao su tăng 13,9% về khối lượng và tăng 46,55% về giá trị; xuất khẩu hạt điều tăng 14,1% về khối lượng và tăng 13,5% về giá trị; xuất khẩu sắn và sản phẩm sắn tăng 7,7% về khối lượng và tăng 21,2% về giá trị.

Riêng hồ tiêu dù khối lượng xuất khẩu đạt 783 nghìn tấn, giảm 5,7%, nhưng nhờ giá xuất khẩu bình quân tăng 52,9% nên giá trị xuất khẩu vẫn tăng 44,2%; cà phê khối lượng giảm 5,1% nhưng giá trị xuất khẩu vẫn tăng 4,1%. Những mặt hàng khác tăng giá trị như: Sản phẩm chăn nuôi tăng 6,1%; tôm tăng 0,1%; sản phẩm gỗ tăng 20,6%... Riêng mặt hàng chè, xuất khẩu giảm cả khối lượng và giá trị xuất khẩu dù giá xuất khẩu bình quân tăng.

Giá xuất khẩu bình quân 10 tháng nhiều mặt hàng tăng. Cụ thể, cao su đạt 1.680 USD/tấn, tăng 4,1%; chè đạt 1.665,8 USD/tấn, tăng 28,7%; cà phê đạt 1.901,8 USD/tấn, tăng 9,7%; gạo đạt 528,5 USD/tấn, tăng 7,1%; hồ tiêu đạt 3.434,2 USD/tấn, tăng 71,3%....

Thị trường xuất khẩu nông lâm thủy sản lớn nhất là Hoa Kỳ đạt trên 10,8 tỷ USD, chiếm 27,9% thị phần, trong đó kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng gỗ và sản phẩm gỗ chiếm tới 68,4% tỷ trọng kim ngạch xuất khẩu nông lâm thủy sản của Việt Nam sang thị trường này; đứng thứ 2 là thị trường Trung Quốc gần 7,5 tỷ USD, chiếm 19,3% thị phần, với kim ngạch xuất khẩu nhóm rau quả chiếm tới 23,4% tỷ trọng kim ngạch xuất khẩu nông lâm thủy sản; thứ 3 là thị trường Nhật Bản với giá trị xuất khẩu đạt trên 2,6 tỷ USD (chiếm 6,8%); thứ 4 là thị trường Hàn Quốc với giá trị xuất khẩu đạt khoảng 1,7 tỷ USD.

+ Nhập khẩu

Ở chiều ngược lại, 10 tháng năm 2021, kim ngạch nhập khẩu các mặt hàng nông lâm thủy sản ước khoảng 35,6 tỷ USD, tăng 39,1% so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó, giá trị nhập khẩu các mặt hàng nông sản chính ước đạt 22,5 tỷ USD, tăng 54,0%; nhóm sản phẩm chăn nuôi đạt trên 2,9 tỷ USD, giảm 0,5%; nhóm hàng thủy sản ước trên 1,6 tỷ USD, tăng 11,7%; nhóm lâm sản chính khoảng 2,6 tỷ USD, tăng 26,5%; nhóm đầu vào sản xuất gần 6 tỷ USD, tăng 31,0%.

10 tháng năm 2021, Hoa Kỳ lại trở thành thị trường xuất khẩu nông sản sang Việt Nam lớn nhất đạt gần 3,3 tỷ USD, chiếm 9,2% thị phần, trong đó mặt hàng bông chiếm 36,4% giá trị; tiếp theo là Campuchia đạt khoảng 3,15 tỷ USD, chiếm 8,9% với mặt hàng điều chiếm gần 65%.

Đẩy mạnh xuất khẩu rau quả Việt Nam sang thị trường EU



Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Bộ Ngoại giao và Bộ Công Thương đã phối hợp tổ chức Tọa đàm “Đẩy mạnh xuất khẩu rau quả Việt Nam sang Liên minh Châu Âu” theo hình thức trực tiếp kết hợp trực tuyến.

Tọa đàm được tổ chức nhằm cung cấp thông tin, hỗ trợ các địa phương, doanh nghiệp tận dụng hiệu quả Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – Liên minh châu Âu (EVFTA) và hỗ trợ các doanh nghiệp thuộc ngành xuất khẩu vượt qua khó khăn do tác động của đại dịch Covid-19, góp phần phục hồi kinh tế

trong trạng thái bình thường mới. Các doanh nghiệp được cung cấp thông tin tổng quan về các chính sách và quy định của EU về nhập khẩu rau quả; trao đổi, kiến nghị các giải pháp nhằm thúc đẩy xuất khẩu rau quả sang thị trường EU; đồng thời được hỗ trợ hiệu quả trong tìm hiểu thông tin và cơ hội xuất khẩu sang thị trường này.

Thứ trưởng Bộ Ngoại giao Nguyễn Minh Vũ đánh giá cao ý nghĩa thiết thực của tọa đàm khi được tổ chức ngay sau khi Thủ tướng Chính phủ ban hành Nghị quyết số 128/NQ-CP, khởi đầu cho giai đoạn thích ứng với dịch bệnh, thúc đẩy phục hồi hoạt động sản xuất và kinh doanh. Theo Thứ trưởng Nguyễn Minh Vũ, việc xuất khẩu nông sản sang EU đã bắt đầu được hưởng lợi từ Hiệp định EVFTA và quy mô lớn của thị trường EU, tuy nhiên vẫn còn nhiều dư địa để tăng cường hợp tác, đẩy mạnh hơn nữa xuất khẩu. Thứ trưởng đề nghị các Đại sứ và Cơ quan đại diện Việt Nam tại EU tiếp tục phối hợp với các Bộ ngành, địa phương và đồng hành cùng doanh nghiệp để thúc đẩy hơn nữa xuất khẩu rau quả Việt Nam sang thị trường này.

Tại tọa đàm, các Đại sứ, Tham tán thương mại Việt Nam tại Bỉ, Đức, Séc, Áo, Hà Lan, Italia và một số nước EU đã cung cấp nhiều thông tin hữu ích về quy định, thị hiếu của các nước EU, các cơ hội và thách thức đối với các mặt hàng rau quả Việt Nam khi xuất khẩu sang thị trường này. Các Đại sứ cho biết khu vực EU ngày càng chú trọng nhập khẩu các sản phẩm rau quả hữu cơ, áp dụng tiêu chuẩn chặt chẽ về an toàn thực phẩm, đề cao trách nhiệm xã hội và môi trường cũng như đạo đức kinh doanh. Theo các Đại sứ, kim ngạch xuất khẩu rau quả Việt Nam sang thị trường EU còn nhỏ, chủ yếu



do nguồn hàng chưa ổn định do hoạt động sản xuất còn manh mún, thiếu đầu tư công nghệ, chi phí vận chuyển cao, điều kiện bảo quản chưa tốt, hàng Việt Nam chưa tham gia được vào các chuỗi phân phối lớn của sở tại...

Tọa đàm ghi nhận đề xuất của các doanh nghiệp xuất khẩu rau quả, trong đó nhiều doanh nghiệp đề nghị các bộ, ngành liên quan thường xuyên cập nhật thông tin về quy định, nhu cầu, chi phí cũng như thị hiếu của người tiêu dùng tại các nước EU, xây dựng chiến lược quảng bá quốc gia cho một số mặt hàng thế mạnh và xem xét khả năng thành lập các hiệp hội doanh nghiệp xuất khẩu nông sản sang thị trường EU. Các Đại sứ Việt Nam tại EU, các bộ, ngành, địa phương và doanh nghiệp nhất trí tăng cường phối hợp để nâng cao hiệu quả các hoạt động xúc tiến thương mại, đa dạng hóa sản phẩm, đặc biệt là các sản phẩm rau quả chế biến.

Cũng tại tọa đàm, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Lê Minh Hoan nhận định, thị trường EU còn nhiều tiềm năng, đồng thời nhấn mạnh đã đến lúc các Bộ, ngành, địa phương và doanh nghiệp cần phối hợp xây dựng một chiến lược tổng thể và kế hoạch hành động để đẩy mạnh xuất khẩu rau quả sang thị trường này.

Theo Bộ trưởng, ba trở ngại lớn nhất đối với nông sản Việt Nam khi vươn ra thế giới là biến đổi khí hậu, biến động thị trường và biến chuyển trong xu thế tiêu dùng, trong đó thế giới đang mạnh mẽ chuyển sang sản xuất và tiêu dùng xanh. Do vậy, chiến lược thúc đẩy xuất khẩu nông sản Việt Nam sang EU cần được xây dựng tổng thể và toàn diện, tiến tới định vị thương hiệu mới của nông nghiệp Việt Nam là minh bạch, trách nhiệm và bền vững. Bộ trưởng khẳng định, phải thay đổi tư duy theo hướng “muốn đi nhanh đi một mình, đi xa phải đi cùng nhau”, các doanh nghiệp cần tăng cường phối hợp, hình thành các liên minh, hiệp hội để cùng quảng bá cho thương hiệu rau quả và nông sản của quốc gia.

Tọa đàm đã thu hút sự quan tâm của đông đảo các địa phương, các Đại sứ, Tổng Lãnh sự, Tham tán Thương mại và Tham tán Nông nghiệp của các Cơ quan đại diện Việt Nam tại 27 nước thành viên EU; và hơn 100 đại biểu từ các Bộ, ngành, địa phương và doanh nghiệp xuất khẩu rau quả và dịch vụ hậu cần của Việt Nam. Các đại biểu đã cung cấp thông tin đa chiều, khách quan và thiết thực từ địa bàn EU, cũng như từ các doanh nghiệp xuất khẩu và Bộ, ngành, địa phương.

Nguồn: Ban biên tập Bản tin Thị trường - TT Thông tin Công nghiệp và Thương mại, Bộ Công Thương

THÔNG TIN THỦY SẢN

Xuất khẩu tôm tháng 9/2021 tiếp tục giảm, doanh nghiệp nỗ lực phục hồi sản xuất

Thông tin từ Hiệp hội chế biến và xuất khẩu thủy sản Việt Nam (VASEP) cho hay, từ tháng 8 năm nay, XK tôm Việt Nam bắt đầu giảm mạnh do sản xuất bị ảnh hưởng vì tỷ lệ nhiễm Covid-19 mới ở ĐBSCL gia tăng. Sang tháng 9, XK tôm sang hầu hết các thị trường chính vẫn tiếp tục giảm tuy nhiên đã giảm đã thấp hơn. Việc nới lỏng giãn cách từ giữa tháng 9 đã giúp doanh nghiệp từng bước khôi phục sản xuất sau dịch bệnh tuy vậy doanh nghiệp vẫn phải “canh cánh” nhiều nỗi lo về nguồn lao động, chi phí, đảm bảo phòng chống dịch để sản xuất an toàn...

Sản xuất và XK tôm nửa cuối tháng 9/2021 đã có dấu hiệu tích cực hơn nhất là tại một số tỉnh trọng điểm về tôm như Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau. Nhờ tinh chỉ đạo kiểm soát dịch bệnh tốt, doanh nghiệp vừa nỗ lực chống dịch vừa cố gắng duy trì sản xuất. Tại Sóc Trăng, từ giữa tháng 8/2021, sau 4 tuần tổ chức sản xuất 3 tại chỗ, các DN trong tỉnh được đưa đón lao động từ các vùng xanh, số lao động đi làm tăng dần theo tình hình phòng chống dịch của tỉnh ngày càng có kết quả khả quan hơn. Đến giữa tháng 9/2021, tỉnh Sóc Trăng công bố trở lại bình thường, lực lượng lao động tại các nhà máy cũng tăng cao hơn.

Theo số liệu của Hải quan Việt Nam, tháng 9/2021, XK tôm Việt Nam giảm 20% đạt 308,5 triệu USD. Tốc độ giảm đã thấp hơn so với tháng 8/2021. XK tôm sang một số thị trường đã có dấu hiệu phục hồi nhẹ: XK sang thị trường Mỹ trong tháng 9/2021 đã tăng 8% so với cùng kỳ, XK sang EU trong tháng 9 đã ghi nhận đã giảm thấp hơn so với tháng 8, XK sang thị trường Hàn Quốc tăng 4%. XK sang các thị trường còn lại trong top 10 thị trường chính vẫn giảm mạnh trong tháng 9. Tính đến hết tháng 9/2021, XK tôm đạt 2,76 tỷ USD, tăng 2,7% so với cùng kỳ trong đó tôm chân trắng tăng 10% đạt 2,13 tỷ USD, trong khi tôm sú giảm 1,7% đạt 422,5 triệu USD. Trong cơ cấu các sản phẩm tôm XK của Việt Nam, tôm chân trắng chiếm 77,2%, tôm sú chiếm 15,3%, còn lại tôm biển với 7,5%.

Trong số các sản phẩm tôm chân trắng và tôm sú XK tính tới tháng 9 năm nay, duy nhất giá trị XK tôm chân trắng sống/tươi/đông lạnh (HS 03) tăng 20%, các sản phẩm còn lại đều giảm so với cùng kỳ năm trước. Nhu cầu các sản phẩm tôm chân trắng có giá cả vừa phải tăng cao trong mùa dịch bệnh Covid-19.

Thị trường Mỹ

Sau khi giảm trong tháng 8, XK tôm Việt Nam sang Mỹ trong tháng 9/2021 phục hồi nhẹ, tăng 8% đạt 97,6 triệu USD. Lũy kế 9 tháng đầu năm, XK tôm sang Mỹ đạt trên 775 triệu USD, tăng 22% so với cùng kỳ. Nhu cầu NK tôm của Mỹ vẫn cao, nhất là khi thị trường này đang mở cửa trở lại hậu Covid và các dịp lễ cuối năm đang tới gần. Theo Cơ quan Quản lý Khí quyển và Đại dương Quốc gia Mỹ (NOAA), NK tôm của Mỹ tiếp tục tăng trong tháng 8/2021. Tháng 8 là tháng thứ 9 liên tiếp, NK tôm của Mỹ ghi nhận tăng trưởng dương. Mỹ NK 89.407 tấn tôm, trị giá 822,9 triệu USD trong tháng 8/2021, tăng 8% về khối lượng và 17% về giá trị so với 82.427 tấn, trị giá 701,6 triệu USD trong tháng 8/2020. NK tôm của Mỹ từ Ecuador liên tục tăng mạnh từ đầu năm nay. Tuy nhiên, theo chuyên gia, tốc độ tăng trưởng XK tôm Ecuador sang Mỹ sẽ khó duy trì được trong thời gian tới do thiếu nguyên liệu để chế biến, tạo cơ hội cho tôm Việt Nam.



NK tôm của Mỹ từ Ecuador liên tục tăng mạnh từ đầu năm nay. Tuy nhiên, theo chuyên gia, tốc độ tăng trưởng XK tôm Ecuador sang Mỹ sẽ khó duy trì được trong thời gian tới do thiếu nguyên liệu để chế biến, tạo cơ hội cho tôm Việt Nam.

Thị trường EU

XK tôm Việt Nam sang EU trong tháng 9/2021 giảm 15% đạt 48,8 triệu USD. Dù vẫn giảm tuy nhiên tốc độ giảm đã thấp hơn so với tháng 8. 9 tháng đầu năm nay, XK tôm sang thị trường này đạt gần 408 triệu USD, tăng 10% so với cùng kỳ. Ba thị trường NK chính trong khối là Đức, Hà Lan và Bỉ. Tính tới tháng 9 năm nay, XK sang Đức và Bỉ tăng lần lượt 22% và 2%, XK sang Hà Lan giảm 1%. Lượng tôm dự trữ của EU đang ở mức thấp, nhu cầu NK của thị trường này rất cao từ nay đến tháng 11 để phục vụ Noel, cùng với Hiệp định thương mại tự do với EU sẽ là cơ hội cho các nhà XK tôm Việt Nam sang thị trường này. Từ tháng 10/2021, dòng người lao động từ Tp.Hồ Chí Minh và các tỉnh Đông Nam bộ tự phát đi về quê hương ở các tỉnh ĐBSCL khiến cho các khu cách li bị quá tải, số ca F0 tăng mới tăng thêm áp lực cho các

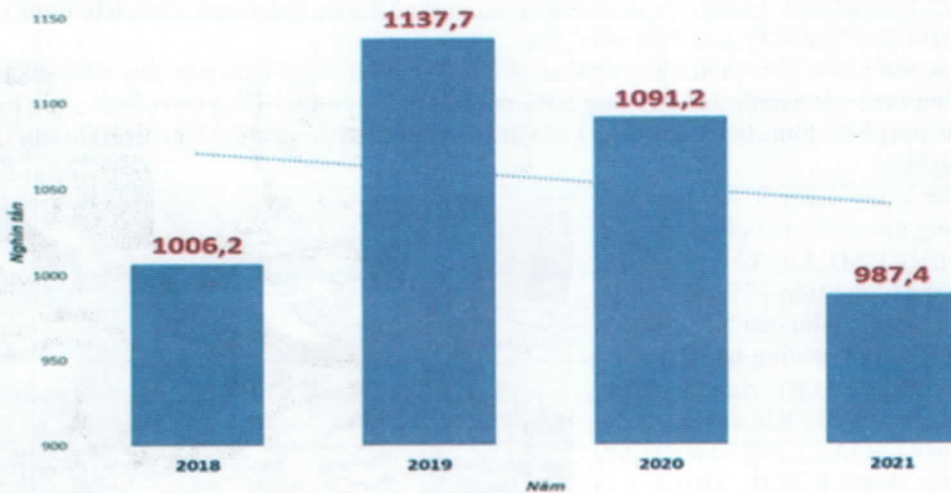
DN chế biến XK tôm tại đây. Tuy nhiên, cho tới nay, sau nỗ lực của cả chính quyền địa phương và DN, tình hình dịch bệnh Covid-19 tại Sóc Trăng và các tỉnh miền Tây đã phần nào được kiểm soát. Trước tình hình này, các DN chế biến, XK tôm cần phải nỗ lực, cảnh giác cao độ để duy trì sản xuất, đáp ứng các đơn hàng cho khách vào dịp lễ cuối năm.

Nguy cơ đổ vỡ chuỗi sản xuất và cung ứng cá tra

Thông tin từ Tổng cục Thống kê (GSO) cho biết, ngành hàng cá tra phải đối mặt với nhiều khó khăn do ảnh hưởng của dịch Covid-19, đặc biệt là ảnh hưởng của đợt bùng phát dịch lần thứ tư. Việc thực hiện giãn cách xã hội từ tháng 7/2021 tại ĐBSCL đã tác động lớn đến hoạt động thả giống, nuôi, thu hoạch, chế biến và xuất khẩu cá tra. Diện tích nuôi, sản lượng giảm, cá quá lứa do thiếu công nhân thu hoạch, hạn chế đi lại ảnh hưởng tới việc thu mua, nhiều doanh nghiệp chế biến ngừng hoạt động, kim ngạch xuất khẩu giảm sâu... đang khiến ngành hàng này đứng trước nguy cơ đổ vỡ chuỗi sản xuất và cung ứng.

Theo Tổng cục Thủy sản, diện tích thả nuôi cá tra tính đến ngày 15/9/2021 đạt 3.516 ha (giảm 25,7% so với cùng kỳ năm 2020). Diện tích thả nuôi cá tra trong tháng 7, tháng 8 đã giảm khoảng 50-55% so với các tháng trước. Sản lượng cá tra quý III/2021 ước tính đạt 315,3 nghìn tấn, giảm 19,8% so với cùng kỳ năm trước, đây là quý có sản lượng cá tra thấp nhất tính từ đầu năm tới nay (quý I ước tính đạt 321,8 nghìn tấn, quý II ước tính đạt 350,3 nghìn tấn). Sản lượng cá tra tháng 9 giảm tới 27,3% so với cùng kỳ năm trước, ước tính đạt 100,8 nghìn tấn; ước tính 9 tháng năm 2021 đạt 987,4 nghìn tấn, giảm 9,5% so với cùng kỳ năm trước, là mức sản lượng thấp nhất trong kỳ 9 tháng các năm từ 2018-2021

Sản lượng cá tra 9 tháng các năm



Xuất khẩu cá tra những tháng đầu năm 2021 tăng trưởng khá tốt, nhưng sang tháng 8, do nhiều doanh nghiệp ngừng sản xuất, kim ngạch xuất khẩu đột ngột giảm sâu. Theo Hiệp hội chế biến và xuất khẩu thủy sản Việt Nam (VASEP), kim ngạch xuất khẩu cá tra tháng 9/2021 đạt gần 82 triệu USD, giảm mạnh 36,5% so với cùng kỳ năm trước. Kim ngạch xuất khẩu cá tra 9 tháng năm 2021 ước tính đạt 1.076,2 triệu USD, tăng 3,2%. Xuất khẩu cá tra sang Trung Quốc giảm mạnh bởi nước này siết chặt quy định kiểm dịch Covid-19 với các mặt hàng thủy sản đông lạnh. Ngược lại, tình hình xuất khẩu cá tra sang Mỹ có phần khả quan hơn do nhu cầu tiêu thụ tăng đột biến sau khi nền kinh tế nước này mở cửa trở lại. Tuy nhiên, cá tra thương phẩm cỡ 800 g – 1.000g, cỡ cá được ưa chuộng để sản xuất phi lê cá tra xuất khẩu sang Châu Âu và Mỹ đang có nguy cơ bị thiếu hụt trong thời gian tới. Phần lớn cá tra vẫn còn trong ao, lớn quá cỡ trong khi các doanh nghiệp chế biến thủy sản đã sử dụng hết công suất kho trữ đông lạnh. Bên cạnh đó, cước vận chuyển đường biển tiếp tục tăng, công-ten-nơ trống chờ hàng vẫn thiếu, thị trường EU vẫn đặt ra nhiều khó khăn cho cá tra...

Hoạt động sản xuất cá tra bị thu hẹp do việc thực hiện giãn cách khiến các nhà máy chế biến giảm công suất, giảm thu mua nguyên liệu đầu vào, chủ yếu sử dụng nguyên liệu từ vùng nuôi của công ty hoặc trong chuỗi liên kết nên nhiều cơ sở và hộ nuôi nhỏ lẻ không thể bán được cá. Trong giai đoạn giãn cách xã hội, hạn chế di chuyển, người nông dân không thể thu hoạch hay vận chuyển cá từ trại nuôi tới nhà máy nên buộc phải giữ cá trong ao, cá đến lứa không có người thu mua. Thêm vào đó, cá tiếp tục nuôi trở nên quá cỡ, tăng chi phí thức ăn, thậm chí chết nhiều và giảm chất lượng do cá bị bệnh và thịt cá ngả vàng. Gánh nặng chi phí kéo dài khiến các hộ dân không còn đủ khả năng tài chính để thả nuôi vụ tiếp theo. Theo Tổng cục Thủy sản, đến đầu tháng 9/2021 đã có 176/449 cơ sở chế biến cá tra ngừng sản xuất (39,2%) do không đáp ứng được gánh nặng chi phí và điều kiện “3 tại chỗ”, 49% nhà máy chế biến cá tra tại 5 tỉnh An Giang, Đồng Tháp, Cần Thơ, Hậu Giang và Vĩnh Long phải tạm dừng hoạt động, số lao động phải nghỉ việc do dịch Covid-19 khoảng trên 70%. Tại các tỉnh, thành phố phía Nam, tổng công suất hoạt động của các nhà máy chế biến cá tra chỉ còn khoảng 30 – 40% so với trước khi thực hiện giãn cách xã hội. Đối với giống cá tra, tính đến ngày 15/9/2021, tổng lượng con giống được sản xuất khoảng 2,33 tỷ con, đáp ứng 100% nhu cầu nuôi thương phẩm, trong đó tập trung nhiều nhất ở tỉnh An Giang (1,07 tỷ con giống), Đồng Tháp (0,75 tỷ con giống). Việc vận chuyển con giống, thức ăn, cá tra thương phẩm chủ yếu bằng đường thủy trong khi việc vận chuyển theo phương thức này được kiểm soát chặt chẽ, nghiêm ngặt đã gây khó khăn cho hoạt động sản xuất. Chuỗi sản xuất cá tra có nguy cơ đứt gãy khi các hộ kinh doanh giống có hiện tượng ngưng thả giống từ tháng 8 năm nay, điều này có thể dẫn đến việc thiếu giống cá tra cục bộ năm 2022.

Nguy cơ đứt gãy chuỗi cung ứng bán hàng khiến doanh nghiệp phải bồi thường hợp đồng do không kịp tiến độ giao hàng, mất khách hàng, mất thị trường xuất khẩu vào các quốc gia khác. Ngoài ra, các rào cản thương mại, kỹ thuật đối với cá tra xuất khẩu vẫn đang tiếp diễn tại một số thị trường trọng điểm. Nếu không có giải pháp hỗ trợ kịp thời, hiệu quả thì các hộ nuôi cá sẽ phải bỏ nghề, doanh nghiệp chế biến cá tra sẽ phải đối mặt với nguy cơ thua lỗ, nợ xấu và phá sản. Tại hội nghị trực tuyến “Giải pháp phát triển chuỗi cá tra sau giãn cách xã hội”, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị



trước hết người lao động trong ngành cá tra cần được phân bổ ưu tiên tiêm ngừa vắc xin để người công nhân có thể ra vào nhà máy, người vận chuyển cá được di chuyển giữa các địa phương. Tạo điều kiện về vốn vay dài hạn cho các hộ nuôi tiếp tục đầu tư thả nuôi vụ mới. Thực hiện các biện pháp hỗ trợ doanh nghiệp phục hồi sản xuất như: nâng tỷ lệ giảm tiền điện sản xuất cho doanh nghiệp; sớm bình ổn giá thức ăn đang tăng cao; hỗ trợ các doanh nghiệp thực hiện kênh phân phối thị trường trong nước cũng như xuất khẩu; đảm bảo nguồn con giống cho thả nuôi vụ mới, nguyên liệu cho ngành sản xuất chế biến cá tra xuất khẩu. Cần có bộ quy tắc do Bộ Y tế quy định, trong đó hướng dẫn phòng chống dịch bệnh cho các doanh nghiệp chế biến thủy sản, quy định thống nhất về xét nghiệm, tiếp nhận lao động trở lại doanh nghiệp, ứng phó với sự cố khi xảy ra dịch bệnh. Đây cũng là dịp để 13 tỉnh ĐBSCL thử nghiệm liên kết vùng theo Nghị quyết 120/NQ-CP của Chính phủ, mở rộng phát triển không gian kinh tế vùng. Chuỗi ngành hàng cá tra cần phải liên kết thành một thực thể kinh tế, có sự điều hoà phối hợp, từ công nhân nhà máy và người nuôi của các tỉnh đưa lên Thành phố Hồ Chí Minh đến các cảng, ra đến thị trường nước ngoài.

Nguồn: Ban biên tập Bản tin Thị trường - TT Thông tin Công nghiệp và Thương mại, Bộ Công Thương

THÔNG TIN CHĂN NUÔI

Giá heo hơi phục hồi từ các mức thấp

Trong vòng 2 tuần qua, giá heo hơi trên các địa phương cả nước đã ở xu hướng phục hồi sau khi liên tục giảm sâu xuống các mức thấp trước đó. Cụ thể, giá heo hơi ngày 4/11 tại miền Bắc dao động trong khoảng 46.000 – 49.000 đồng/kg, tăng mạnh so với mức 32.000 – 33.000 đồng/kg ngày 21/10. Giá heo hơi ngày 4/11 tại miền Trung, Tây Nguyên được thương lái thu mua trong khoảng 46.000 - 48.000 đồng/kg, cao hơn nhiều so với 33.000 - 38.000 đồng/kg vào ngày 21/10. Giá heo hơi ngày 4/11 tại miền Nam được giao dịch trong khoảng 45.000 - 50.000 đồng/kg, tăng mạnh so với mức 36.000 - 38.000 đồng/kg ngày 21/10.



Tham khảo giá heo hơi tại miền Bắc

Địa phương	Giá ngày 07/10/2021 (đồng/kg)	Giá ngày 21/10/2021 (đồng/kg)	Giá ngày 04/11/2021 (đồng/kg)
Bắc Giang	41.000	32.000	47.000
Yên Bái	38.000	32.000	46.000
Lào Cai	38.000	32.000	46.000
Hưng Yên	40.000	33.000	49.000
Nam Định	41.000	33.000	46.000
Thái Nguyên	42.000	33.000	47.000
Phú Thọ	38.000	33.000	46.000
Thái Bình	41.000	33.000	46.000
Hà Nam	41.000	33.000	46.000
Vĩnh Phúc	41.000	33.000	46.000
Hà Nội	41.000	33.000	49.000
Ninh Bình	44.000	33.000	46.000
Tuyên Quang	41.000	33.000	46.000

Tham khảo giá heo hơi tại miền Trung và Tây Nguyên

Địa phương	Giá ngày 07/10/2021 (đồng/kg)	Giá ngày 21/10/2021 (đồng/kg)	Giá ngày 04/11/2021 (đồng/kg)
Thanh Hoá	41.000	33.000	46.000
Nghệ An	41.000	33.000	46.000
Hà Tĩnh	45.000	35.000	48.000
Quảng Bình	47.000	38.000	48.000
Quảng Trị	45.000	38.000	47.000
Thừa Thiên Huế	48.000	37.000	48.000
Quảng Nam	45.000	37.000	48.000
Quảng Ngãi	45.000	37.000	48.000
Bình Định	45.000	38.000	48.000
Khánh Hoà	45.000	38.000	48.000
Lâm Đồng	44.000	37.000	48.000
Đắk Lắk	45.000	38.000	47.000
Ninh Thuận	45.000	38.000	48.000
Bình Thuận	43.000	38.000	48.000

Tham khảo giá heo hơi tại miền Nam

Địa phương	Giá ngày 07/10/2021 (đồng/kg)	Giá ngày 21/10/2021 (đồng/kg)	Giá ngày 04/11/2021 (đồng/kg)
Bình Phước	43.000	37.000	47.000
Đồng Nai	43.000	37.000	49.000
TP HCM	43.000	36.000	47.000
Bình Dương	43.000	37.000	47.000
Tây Ninh	43.000	36.000	47.000
Vũng Tàu	45.000	37.000	47.000
Long An	45.000	38.000	45.000
Đồng Tháp	45.000	37.000	46.000
An Giang	45.000	38.000	45.000

Vĩnh Long	44.000	37.000	45.000
Cần Thơ	43.000	38.000	48.000
Kiên Giang	45.000	37.000	45.000
Hậu Giang	45.000	37.000	45.000
Cà Mau	44.000	38.000	45.000
Tiền Giang	46.000	38.000	45.000
Bạc Liêu	44.000	36.000	50.000
Trà Vinh	45.000	37.000	45.000
Bến Tre	44.000	37.000	48.000
Sóc Trăng	46.000	37.000	50.000

Trong quý III/2021, dịch COVID-19 đã ảnh hưởng nặng nề đến ngành chăn nuôi trong nước. Tại nhiều địa phương, giá các mặt hàng chăn nuôi giảm mạnh, trong khi giá thức ăn chăn nuôi tăng cao, ảnh hưởng lớn đến mục tiêu tái đàn thời gian tới. Trong quý III/2021, giá heo hơi trung bình trên cả nước giảm mạnh 26% – 30% so với quý trước đó, xuống khoảng 43.000-49.000 đồng/kg. Xu hướng giảm giá tiếp tục diễn ra đến ngày 22/10, đặc biệt có một số địa phương giá xuống khoảng 30.000 đồng/kg.

Tuy nhiên, đến cuối tháng 10, giá heo hơi đã phục hồi 3.000- 6000 đồng/kg sau khi các tỉnh, thành phố nới lỏng giãn cách xã hội. Dự báo thời gian tới, giá heo hơi tiếp tục phục hồi, nhưng sẽ không có biến động lớn do lượng tiêu thụ heo vẫn còn thấp so với mức bình quân trước khi xảy ra đợt dịch COVID-19 lần thứ 4. Ngoài ra dịp Tết nguyên đán là thời điểm được kỳ vọng giá heo hơi tăng bởi nhu cầu của người dân cao. Theo Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, do nhu cầu yếu nên nhập khẩu thịt và các sản phẩm từ thịt của Việt Nam có xu hướng giảm trong quý III/2021. Trong đó, Việt Nam nhập khẩu 42 nghìn tấn thịt heo tươi ướp lạnh hoặc đông lạnh, trị giá 96,7 triệu USD, giảm 23,2% về lượng và giảm 26% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020. Nga, Brazil, Đức, Canada và Hà Lan là 5 thị trường lớn nhất cung cấp thịt heo cho Việt Nam.

Qua số liệu cho thấy, tỷ trọng thịt heo nhập khẩu chỉ chiếm tỷ lệ rất nhỏ so với tổng sản lượng thịt heo tiêu thụ trong nước, phần lớn thịt heo đông lạnh nhập khẩu được tiêu thụ tại các nhà hàng. Sức mua giảm do dịch vụ ăn uống ngoài gia đình phục hồi chậm, nguồn cung dư thừa, cùng với việc đứt gãy các chuỗi cung ứng do vận chuyển khó khăn nên khả năng thời gian tới nhu cầu nhập khẩu thịt và sản phẩm thịt sẽ tiếp tục giảm. Theo số liệu của Cục Chăn nuôi, đến cuối tháng 9 đầu tháng 10/2021 tổng đàn heo cả nước trên 28 triệu con, tăng 5%, những tỉnh có đàn heo lớn như Đồng Nai, Hà Nội, Bình Phước, Bắc Giang, Thanh Hóa. Sản lượng thịt heo hơi 9 tháng đầu năm đạt khoảng 2,9 triệu tấn, 16 doanh nghiệp chăn nuôi lớn vẫn duy trì phát triển, hiện tổng đàn heo thịt trên 6 triệu con, chiếm 23-24% tổng đàn heo thịt của cả nước. Bộ Công Thương cho rằng với sản lượng heo hiện tại Việt Nam "dư sức" cung cấp cho thị trường trong nước dịp lễ tết cuối năm.

Các bộ ngành cùng tìm giải pháp bình ổn thị trường, hỗ trợ người dân, ổn định sản xuất

Chiều 22/10, tại trụ sở Chính phủ, Phó Thủ tướng Lê Văn Thành đã chủ trì cuộc họp nhằm đánh giá thực trạng chăn nuôi, tiêu thụ thịt heo và giải pháp tăng cường quản lý, bình ổn thị trường nhằm bảo đảm quyền lợi của người chăn nuôi, người tiêu dùng, ổn định sản xuất.

Các nguyên nhân chính dẫn tới giá thịt heo hơi giảm

Theo báo cáo của các bộ, ngành chức năng, từ đầu năm đến nay, giá heo hơi liên tục giảm, đặc biệt từ tháng 9 đến nay, giá heo hơi giảm mạnh (tháng 3, 4 giá 70.000-75.000 đồng/kg; tháng 8, 9/2021 giá còn 42.000-50.000 đồng; đến thời điểm hiện tại, dao động 35.000-45.000 đồng/kg, đặc biệt có một số địa phương giá xuống dưới 35.000 đồng/kg). Trong khi đó giá thức ăn chăn nuôi tăng cao, gây khó khăn cho người chăn nuôi, nhất là các hộ nông dân chăn nuôi nhỏ lẻ. Giá sản phẩm chăn nuôi nói chung và giá heo

hời nói riêng vẫn đang ở mức thấp, người chăn nuôi vẫn thua lỗ, nguy cơ ảnh hưởng đến sản xuất, nguồn cung trong những tháng tới, đặc biệt là dịp tết nguyên đán tới đây nếu chúng ta không có giải pháp phù hợp, hữu hiệu.

Tại cuộc họp này, lãnh đạo các bộ, ngành đã phát biểu làm rõ hơn về nguyên nhân dẫn tới giá giảm sâu, trong đó nguyên nhân chủ yếu là do giảm cầu. Bên cạnh đó là việc lưu thông, vận chuyển khó khăn; một số cơ sở sản xuất, chế biến phải tạm dừng hoạt động do không đáp ứng được “3 tại chỗ” khi nhiều địa phương phải thực hiện giãn cách xã hội. Trong khi đó nguồn cung dồi dào (xảy ra không riêng mặt hàng thịt heo mà cả các loại thực phẩm khác như gà, thủy hải sản). Đến cuối tháng 9 đầu tháng 10/2021, tổng đàn heo cả nước trên 28 triệu con (đứng thứ 6 thế giới), tăng 5%, sản lượng thịt heo hơi 9 tháng đạt khoảng 2,9 triệu tấn.

Nói rõ thêm về nguyên nhân, Thứ trưởng Bộ NN&PTNT Phùng Đức Tiến cho biết, do dịch COVID-19 nhiều tỉnh thành trên cả nước thực hiện giãn cách xã hội, các khu công nghiệp, khu chế xuất, các trường học, bếp ăn tập thể cơ bản là ngưng hoạt động; các nhà hàng, quán ăn, khách sạn, chợ đầu mối, chợ dân sinh không hoạt động; ... dẫn đến nhu cầu sử dụng thực phẩm giảm rõ rệt từ 30-50%. Đến nay, mặc dù các địa phương đã trở lại trạng thái bình thường, tuy nhiên lượng nhân công lao động ở các địa phương vẫn chưa quay lại các thành phố lớn để làm việc, các trường học vẫn đóng cửa, các quán ăn mở đón khách với số lượng hạn chế do vậy mức tiêu dùng thực phẩm vẫn còn hạn chế.

Trong khi đó, chu kỳ sản xuất, tăng trưởng, tái đàn vẫn diễn ra bình thường. Từ đó dẫn đến ứ đọng trong tiêu thụ sản phẩm. “Riêng Thành phố Hồ Chí Minh một ngày tiêu thụ 60 tấn thực phẩm nhưng tự sản xuất được dưới 10%, tất cả nhập từ các tỉnh miền Tây. Nên các sản phẩm chăn nuôi ùn ứ, giá thành giảm”, Thứ trưởng Tiến lấy ví dụ. Trước tình hình đó, Bộ NN&PTNT quyết định lập hai tổ công tác phía Bắc, phía Nam để tổ chức kết nối giao thông; thúc đẩy xuất khẩu, xúc tiến thương mại. Bộ đã triệu tập cuộc họp để tháo gỡ khó khăn, đặc biệt là xuất khẩu đến các thị trường Nhật Bản, Hàn Quốc.

Thứ trưởng Phùng Đức Tiến đánh giá, xuất khẩu có bước chuyển dịch tích cực, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp đầu tư công nghệ cao theo chuỗi từ giống, thức ăn, giết mổ, chế biến và tiêu thụ. “Với sự phối hợp giữa các bộ, giao thông vận tải, lưu thông hàng hóa đã thông thoáng. Những ngày gần đây, giá gà, giá thịt heo đã tăng trở lại”. Nhắc lại việc tầm thời điểm này năm trước câu chuyện được bàn tới là giá heo cao trong khi năm nay lại là câu chuyện giá heo thấp, Thứ trưởng Bộ Công Thương Đỗ Thắng Hải nhấn mạnh đến yếu tố cung cầu thị trường. Thị trường mặt hàng thịt heo trong 9 tháng đầu năm 2021 có sự khác biệt hoàn toàn so với cùng kỳ năm trước do nguồn cung dồi dào và chịu ảnh hưởng lớn của dịch COVID-19.

Nhu cầu tiêu dùng giảm mạnh (trong đó nguyên nhân là hoạt động của các nhà hàng, khách sạn cầm chừng, đặc biệt tại các tỉnh miền Nam). Trong khi đó, nguồn cung dồi dào (không riêng mặt hàng thịt heo mà còn có các loại thực phẩm khác như thịt gà, thủy hải sản) khi các cơ sở chăn nuôi tăng đàn hoặc bị tồn đọng do thời gian trước chưa tiêu thụ hết dẫn đến quá lứa. Tuy nhiên, thực trạng hiện nay là giá thịt heo thành phẩm chưa giảm tương xứng do với giá heo hơi. Giá thịt heo thành phẩm phổ biến ở mức 60.000-100.000 đ/kg tại chợ và ở mức 98.000-130.000 đ/kg tại siêu thị.

Thứ trưởng Hải nói rõ thêm, trong cơ cấu giá thịt heo, trung bình 100 kg heo hơi thu được khoảng 55-60 kg thịt heo thành phẩm. Như vậy, tỷ trọng giá heo hơi chỉ chiếm 55-60% trong giá heo thịt, các chi phí khác vẫn giữ nguyên hoặc tăng (chi phí lao động, xét nghiệm, vận tải...), do đó giá thịt heo thành phẩm không giảm tương ứng như mức giảm của giá heo hơi. Đồng thời, tùy theo sở thích tiêu dùng và tỷ lệ các loại thịt heo thành phẩm mà giá bán các loại thịt heo cũng có sự chênh lệch khác nhau. Một bộ phận người chăn nuôi tồn đọng một lượng heo chưa bán được do ảnh hưởng của dịch COVID-19 dẫn đến heo bị quá lứa, khó bán. Đại diện Bộ Công Thương cho rằng, cần tăng cường các hoạt động truyền thông về giá cả thị trường, tình hình nguồn cung dịch bệnh nhằm tránh tình trạng thiếu thông tin, gây bất ổn thị trường, tăng cường hiểu biết của người tiêu dùng đối với thị trường, giá cả mặt hàng thịt heo. Tại cuộc họp, các ý kiến cũng đã đề xuất một số giải pháp trước mắt và lâu dài để tháo gỡ những khó khăn cho chăn nuôi heo, giúp người chăn nuôi giảm bớt khó khăn, có điều kiện tái đàn.

Khôi phục hoạt động các chợ đầu mối, chợ truyền thống; mở các cửa hàng bình ổn giá

Phát biểu kết luận, Phó Thủ tướng Lê Văn Thành cho rằng, mức chênh lệch giữa giá xuất chuồng và giá thành phẩm đến tay người tiêu dùng là bất hợp lý, “việc tìm ra nguyên nhân và tập trung chỉ đạo để giải quyết vấn đề này là rất cần thiết” bởi ảnh hưởng đến hàng chục triệu người dân. Vận hành theo cơ chế thị trường, tuy nhiên, trong bối cảnh hiện nay, cần có giải pháp điều hành từ các cơ quan Nhà nước....

Nguồn: Ban biên tập Bản tin Thị trường - TT Thông tin Công nghiệp và Thương mại, Bộ Công Thương

THÔNG TIN LÚA GẠO

Giá gạo xuất khẩu chào bán của Việt Nam điều chỉnh để tăng sức cạnh tranh

Tuần qua (tuần kết thúc vào ngày 29/10), giá gạo xuất khẩu của Ấn Độ chạm mức cao nhất trong 3,5 tháng do đồng rupee mạnh lên và nguồn cung thấp, trong khi giá gạo của Việt Nam giảm do giá cạnh tranh từ các nước đối thủ Châu Á khác. Gạo 5% tằm của Ấn Độ được chào bán ở mức 363 tới 367 USD/tấn trong tuần qua, tăng từ 362 tới 365 USD trong tuần trước đó. Giá tăng tuần thứ 3 liên tiếp.

Việc mở lại cảng nước sâu đã giúp Ấn Độ giải quyết vấn đề tắc nghẽn hậu cần, tạo thuận lợi cho hoạt động xuất khẩu gạo. Dự báo xuất khẩu gạo của nước này năm 2021 có thể đạt 22 triệu tấn, tăng mạnh so với 14,7 triệu tấn của năm trước, nhờ nguồn cung dồi dào vào đúng những thời điểm nhiều đối thủ khác trong khu vực hạn chế xuất khẩu cũng giúp Ấn Độ lập nên kỳ tích này. Bộ Nông nghiệp Mỹ dự báo xuất khẩu gạo toàn cầu niên vụ 2021/22 sẽ đạt 48,5 triệu tấn. Ấn Độ là nước sản xuất lúa lớn thứ 2 thế giới này (sau Trung Quốc), các thị trường xuất khẩu gạo chủ yếu là Châu Phi và Châu Á (gạo non-basmati) và Trung Đông, Mỹ và Anh (gạo basmati). Hiện giá gạo của Ấn Độ đang có tính cạnh tranh nhất so với các đối thủ cung ứng khác.

Xuất khẩu của Ấn Độ trong năm 2020 đã tăng 49% so với năm trước lên mức kỷ lục 14,7 triệu tấn, trong đó xuất khẩu gạo non-basmati tăng vọt 77% lên mức kỷ lục 9,7 triệu tấn. Xuất khẩu gạo non-basmati năm 2021 tiếp tục tăng mạnh. Tại Bangladesh giá gạo trong nước ở mức cao bất chấp sản lượng vụ hè đạt kỷ lục và nhập khẩu một khối lượng lớn. Tại Thái Lan giá gạo 5% tằm được chào bán ở mức 385 – 406 USD/tấn so với 385 – 390 USD/tấn một tuần trước đó. Một thương nhân chợ biết có thêm nhiều yêu cầu của người mua nhưng giá chỉ thay đổi do tỷ giá hối đoái, ngoài ra các nhà xuất khẩu gạo vẫn lo ngại về chi phí vận chuyển cao.

Thái Lan, nhà xuất khẩu gạo lớn thứ ba thế giới, dự kiến sẽ đạt mục tiêu xuất khẩu 6 triệu tấn gạo trong năm nay khi đã có mưa trở lại, dự kiến sẽ đẩy nguồn cung tăng lên, trong khi nội tệ yếu đi sẽ giúp giá gạo Thái Lan cạnh tranh tốt hơn trên thị trường quốc tế. Những trận mưa liên tục trong nhiều tháng qua đã nuôi dưỡng các cánh đồng lúa và làm tăng mức nước trong các hồ chứa chính, sẽ giúp thúc đẩy nguồn cung gạo vào năm sau, làm cho giá gạo trong nước tiếp tục giảm, đồng thời làm tăng sức cạnh tranh cho gạo Thái trên thị trường xuất khẩu. Mục tiêu của Thái Lan cho năm 2021 là xuất khẩu tăng so với năm trước. Năm 2020, nước này xuất khẩu 5,7 triệu tấn gạo, mức thấp nhất kể từ 1997.

Theo ông Chookiat Ophaswongse, chủ tịch danh dự của Hiệp hội các nhà xuất khẩu gạo Thái Lan: “Trước đây (đạt được mục tiêu) là điều vô vọng, nhưng sản xuất và xuất khẩu gạo đang trở lại mức bình thường”. “Tất cả các con đường giờ đây đều dẫn đến gạo Thái Lan, khi đồng baht yếu hơn và có nhiều mưa hơn. Doanh số bán hàng đã tăng vượt dự kiến.” Ông Ophaswongse cho hay các nhà xuất khẩu Thái Lan thông báo đơn đặt hàng đã tăng lên từ Malaysia, Philippines và một số nước châu Phi do giá giảm. Ông Ophaswongse dự kiến Thái Lan sẽ xuất khẩu 7 triệu tấn gạo vào năm 2022. Mặc dù ngành gạo vẫn phải đối mặt với tình trạng thiếu cả container và lao động nhập cư - điều có thể gây ra một số sự chậm trễ trong việc vận chuyển gạo - ông Chookiat tin tưởng Thái Lan sẽ sớm lấy lại vị trí là nhà xuất khẩu lớn thứ hai thế giới.

Trong 2 năm qua, xuất khẩu gạo của Thái Lan bị ảnh hưởng bởi hạn hán kéo dài và đồng baht tăng giá. Tại Việt Nam, giá gạo 5% tằm giảm xuống 425 – 430 USD/tấn từ mức 430 – 435 USD/tấn một tuần trước đó. Một thương nhân tại thành phố Hồ Chí Minh cho biết giá giảm do giá gạo cạnh tranh từ các nhà sản xuất khác gồm Thái Lan và Ấn Độ. Tại thị trường thu mua trong nước, cuối tuần qua giá lúa gạo điều chỉnh tăng với một số giống lúa như OM 5451, Đài thơm 8 với mức nâng giá 100 - 200 đồng/kg. Tại An Giang, giá lúa ngày 29/10 tiếp tục tăng 100 đồng với lúa OM5451 lên 5.600 - 5.800 đồng/kg và tăng 200 đồng với lúa Đài thơm 8 nâng giá bán lên 5.800 - 6.000 đồng/kg. Các loại khác vẫn ổn định như IR 50404 giữ mức 4.900 - 5.100 đồng/kg, OM 9582 vẫn giữ giá 5.000 - 5.200 đồng/kg, OM 380 giá 5.300 - 5.400 đồng/kg, OM 18 giá 5.700 đồng/kg, Nàng hoa 9 có giá 6.000 - 6.100 đồng/kg, Nàng Nhen khô 11.500 - 12.000 đồng/kg. Nếp Long An (khô) giữ nguyên giá là 7.000 đồng/kg, nếp vò (tươi)- 3 tháng rưỡi tiếp tục có giá 5.500 - 5.600 đồng/kg, nếp tươi Long An ở mức 5.400 - 5.500 đồng/kg và nếp vò (khô) ở mức 6.600 - 6.900 đồng/kg.

Theo nông dân đang cắt lúa Thu Đông trên địa bàn tỉnh Hậu Giang, giá lúa tươi được thương lái cân tại ruộng vẫn ổn định từ 5.000-6.000 đồng/kg (tùy giống). Trong khi đó, với các loại gạo, giá hôm nay duy trì đà đi ngang. Cụ thể, tại chợ An Giang, gạo thường có giá 11.000 - 11.500 đồng/kg, gạo Nàng Nhen vẫn giữ giá 20.000 đồng/kg, gạo thơm thái hạt dài 17.000 - 18.000 đồng/kg, gạo Hương Lài tăng lên 19.000 đồng/kg; gạo trắng thông dụng có giá mới là 16.000 đồng/kg và gạo Nàng hoa lên giá 17.500 đồng/kg. Hay gạo Jasmine vẫn ở mức 15.000 - 16.000 đồng/kg, Sóc thường 14.000 đồng/kg, Sóc Thái giá 20.000 đồng/kg, gạo thơm Đài Loan giá 20.000 đồng/kg, gạo Nhật giữ mức 20.000 đồng/kg và nếp ruột 14.000 đồng/kg.

Điểm lại thị trường gạo đến hết quý III/2021

Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên Hợp Quốc (FAO) ước tính sản lượng sản xuất gạo thế giới 9 tháng đầu năm 2021 đạt 389,8 triệu tấn, tăng 1,3% so với cùng kỳ năm trước. Về giá gạo, trong tháng 9, giá gạo tại nhiều nước xuất khẩu lớn như Thái Lan, Ấn Độ, Việt Nam giảm nhưng chỉ số giá gạo FAO trung bình đạt 98,7 điểm, tăng 0,9% so với tháng trước, giảm 11,5% so với cùng kỳ năm trước. Tại Việt Nam, theo số liệu thống kê của Bộ Công Thương, hoạt động xuất khẩu gạo trong tháng 9 đã hồi phục trở lại dù nhiều tỉnh, thành phố khu vực phía Nam vẫn thực hiện giãn cách xã hội để phòng chống dịch bệnh theo Chỉ thị số 16.

Trong tháng 9, cả nước đã xuất khẩu thành công 530.000 tấn gạo, trị giá 261 triệu USD, tăng đáng kể so với mức 430.000 tấn và 211 triệu USD thực hiện trong tháng 8. Lũy kế 9 tháng 2021, xuất khẩu gạo cả nước đạt 4,516 triệu tấn, trị giá 2,389 tỷ USD, giảm 9,5% về lượng và giảm 2,4% về trị giá so với cùng kỳ năm trước. Theo Hiệp hội Lương thực Việt Nam (VFA), giá gạo xuất khẩu tăng trở lại đã khiến thị trường lúa gạo trong nước cũng chuyển động tích cực hơn. Cụ thể, gạo NL IR 504 đã tăng 150 đồng, lên 8.000-8.100 đồng/kg; gạo TP IR 504 tăng nhẹ 50 đồng, lên 9.200 đồng/kg; cám vàng tăng mạnh 1.200 đồng, lên 7.400-7.500 đồng/kg. Riêng tấm 1 IR 504 ổn định ở mức 7.500 đồng/kg. Tại nhiều tỉnh đồng bằng sông Cửu Long như Long An, Cần Thơ, An Giang... giá lúa khá ổn định thì ở Bạc Liêu, Tiền Giang, Đồng Tháp... giá lúa đã tăng trở lại. Dự báo 3 tháng còn lại của năm 2021, VFA cho rằng hoạt động xuất khẩu gạo tiếp tục được đẩy mạnh do nhiều thị trường nhập khẩu lớn tại châu Á tăng nhập khẩu cho nhu cầu tiêu dùng cuối năm.

Nhãn hiệu Gạo Việt Nam/Vietnam Rice được bảo hộ tại 22 quốc gia

Mới đây, Bộ NN&PTNT vừa công bố nhãn hiệu gạo quốc gia Gạo Việt Nam/Vietnam Rice. Nhãn hiệu này được bảo hộ tại Việt Nam và 22 quốc gia khác. Theo Bộ NN&PTNT, Việt Nam thuộc top 3 quốc gia xuất khẩu gạo lớn thế giới, chỉ sau Thái Lan và Ấn Độ. Tuy nhiên, gạo Việt Nam vẫn chưa có thương hiệu quốc gia, giá bán hạt gạo thấp hơn so với thương hiệu gạo Thai Hom Mali của Thái Lan và gạo Basmati của Ấn Độ. Với định hướng thay đổi chiến lược, Bộ NN&PTNT đề xuất Chính phủ phê duyệt đề án phát triển thương hiệu gạo Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030. Trong đó, chú trọng xây dựng nhãn hiệu Gạo Việt Nam/Vietnam Rice và đăng ký bảo hộ nhãn hiệu chứng nhận trong nước và quốc tế.

Bộ NN&PTNT tiến hành xây dựng và đăng ký sở hữu nhãn hiệu chứng nhận Gạo Việt Nam ở Việt Nam theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ. Giấy chứng bảo hộ nhận nhãn hiệu Gạo Việt Nam/Vietnam Rice có hiệu lực trong 10 năm. Đến nay, nhãn hiệu Vietnam Rice có 19 quốc gia chấp nhận bảo hộ dưới dạng nhãn hiệu thông thường, bao gồm Indonesia, Nga và OAPI và 17 nước châu Phi. Nhãn hiệu được 3 quốc gia là Trung Quốc, Brunei và Na Uy bảo hộ nhãn hiệu chứng nhận. Như vậy, hiện tại nhãn hiệu Gạo Việt Nam/Vietnam Rice được bảo hộ tại Việt Nam và 22 quốc gia, bao gồm cả nhãn hiệu thông thường và nhãn hiệu chứng nhận.

Cùng với hoạt động xây dựng biểu trưng, hệ thống nhận diện... cho nhãn hiệu Gạo Việt Nam/Vietnam Rice, Bộ NN&PTNT cũng tiến hành xây dựng tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) về gạo làm cơ sở cho việc sử dụng Nhãn hiệu Gạo Việt Nam/Vietnam Rice trong thực tế. Bộ NN&PTNT xây dựng 3 tiêu chuẩn quốc gia về gạo, bao gồm TCVN 11888-2017 gạo trắng; TCVN 11889:2017 gạo thơm trắng và 8368:2010 gạo nếp trắng. Việc cấp nhãn hiệu chứng nhận Gạo Việt Nam/Vietnam Rice cho các đơn vị kinh doanh và xuất khẩu gạo nhằm nâng cao sự nhận biết của các nhà sản xuất, nhập khẩu, phân phối và người tiêu dùng trong và ngoài nước đối với các sản phẩm gạo của Việt Nam.

Đồng thời, củng cố và phát triển thị trường, nâng cao giá trị gia tăng, thị phần và sức cạnh tranh của sản phẩm gạo Việt Nam trên thị trường thế giới, góp phần phòng chống hàng giả, hàng nhái nhãn hiệu Gạo Việt Nam/Vietnam Rice. Mặt khác, theo quy định của Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO) và luật quốc gia của một số nước thành viên hệ thống Madrid, sau từ 3-5 năm kể từ ngày công nhận nhãn hiệu và cấp mã số bảo hộ mà không sử dụng nhãn hiệu chứng nhận thì sẽ bị tước quyền bảo hộ. Bộ NN&PTNT cho rằng cần cấp cho doanh nghiệp và phổ biến việc sử dụng nhãn hiệu chứng nhận Gạo Việt Nam/Vietnam Rice trên thị trường thế giới. Để có cơ sở pháp lý cao nhất cho việc phát triển thương hiệu Gạo Việt Nam/Vietnam Rice, Bộ kiến nghị Thủ tướng cho phép xây dựng nghị định quản lý sử dụng nhãn hiệu Gạo Việt Nam/Vietnam Rice theo trình tự thủ tục rút gọn. Dự kiến những nội dung của dự thảo quy định về trình tự, thủ tục quản lý sử dụng nhãn hiệu Gạo Việt Nam/Vietnam Rice, cấp quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận, tiêu chí, tiêu chuẩn về quyền sử dụng nhãn hiệu Gạo Việt Nam/Vietnam Rice.

Nguồn: Ban biên tập Bản tin Thị trường - TT Thông tin Công nghiệp và Thương mại, Bộ Công Thương

THÔNG TIN VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP

Tổng quan thị trường thức ăn chăn nuôi và dự báo

Giá thức ăn chăn nuôi thế giới (TẮCN) đã dao động theo những chiều hướng khác nhau trong tháng 9/2021, trong đó giá ngô giảm song giá đậu tương và giá lúa mì lại tăng. Tại thị trường trong nước, giá các chủng loại nguyên liệu thức ăn chăn nuôi không có biến động lớn, một số chủng loại tăng nhẹ so với tháng trước. Dự báo giá thức ăn chăn nuôi cuối năm vẫn tiếp tục tăng bởi những khó khăn về vận chuyển và cước phí gia tăng.

- Thế giới

+ Diễn biến cung, cầu

Theo Trung tâm Thông tin Ngũ cốc và Dầu quốc gia Trung Quốc (CNGOIC) tính đến tuần kết thúc ngày 12/09/2021, tồn kho đậu tương tại Trung Quốc giảm 470 nghìn tấn so với tuần trước xuống còn 6,43 triệu tấn – đây là mức thấp nhất trong vòng 11 tuần. Nguyên nhân là do việc nhập khẩu khó khăn trong khi đó các nhà máy vẫn duy trì hoạt động ở mức cao.

Ngày 15/09/2021, Trung Quốc đã quyết định mua 6 lô hàng đậu tương từ Brazil, giao hàng vào tháng 10 và 11/2021 nhằm phục vụ cho nhu cầu cấp bách, thậm chí chấp nhận mua với mức giá cao hơn đến 15 USD/tấn so với giá kỳ hạn tại CBOT (bao gồm chi phí và cước phí). Diện tích trồng đậu tương tại Hoa Kỳ có thể vượt diện tích canh tác ngô vào năm 2023 do nhu cầu đối với nhiên liệu tái tạo tăng cao. Khoảng 35% - 40% tổng sản lượng ngô hàng năm tại Hoa Kỳ được dùng để sản xuất ethanol. Trong khi đó, khối lượng dầu đậu tương được sử dụng cho pha trộn, làm dầu diesel sinh học tại nước này lên đến 70% tổng khối lượng dầu đậu tương được nghiền ép hàng năm.

Mexico, quốc gia nhập khẩu ngô lớn thứ hai thế giới dự kiến giảm 50% lượng ngô phải nhập khẩu vào năm 2024. Dữ liệu của Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA) cho thấy lượng ngô được Mexico nhập khẩu trong niên vụ 2020/2021 đạt khoảng 16,5 triệu tấn. Viện nghiên cứu thị trường nông sản Nga (IKAR) vừa giảm dự báo sản lượng lúa mì của Nga trong năm nay xuống còn 74 triệu tấn, giảm 1 triệu tấn so với các dự báo trước đây do sản lượng thu hoạch tại các khu vực canh tác lúa mì chính là Volga và Urals thấp hơn dự kiến. Diện tích trồng lúa mì vụ Đông của Nga trong niên vụ 2021/2022 được dự báo sẽ giảm mạnh so với niên vụ trước do điều kiện thời tiết bất lợi và mức thuế xuất khẩu lúa mì quá cao khiến nông dân nước này chuyển sang trồng các loại cây khác. Thông thường, lượng lúa mì vụ Đông chiếm tới 70% tổng sản lượng lúa mì hàng năm của Nga.

+ Diễn biến giá

Trong tháng 9/2021, giá nguyên liệu TẮCN thế giới tăng, giảm trái chiều so với tháng trước, trong khi giá ngô giảm thì giá đậu tương và giá lúa mì lại tăng. Cụ thể như sau: Giá ngô giảm do thời tiết thuận lợi, khiến cây trồng tốt hơn làm giảm lo ngại về sản lượng thu hoạch không đạt được năng suất như dự kiến ban đầu. USDA đánh giá 59% sản lượng ngô của Mỹ ở tình trạng rất tốt. Giá ngô CBOT giao kỳ hạn tháng 12/2021 là 185,1 USD/tấn, giảm khoảng 1,6% so với cuối tháng trước; giao tháng 2/2022 là 192,5 USD/tấn. Ngược lại, giá đậu tương và giá lúa mì lại tăng. Theo Bộ Nông nghiệp Mỹ, Trung Quốc đã mua 132.000 tấn đậu tương của nước này, ngoài ra Trung Quốc đã mua từ 4 đến 6 chuyến hàng đậu tương Brazil, một đợt mua bất thường trong thời kỳ xuất khẩu cao điểm của Mỹ. Giá đậu tương kỳ hạn trên sàn Chicago giao tháng 11/2021 đạt 338,9 USD/tấn, tăng 1,2 USD/tấn; giao tháng 12/2021 là 342,8 USD/tấn, tăng 0,7 USD/tấn. Giá lúa mì tăng do lo ngại về nguồn cung toàn cầu sau vụ thu hoạch bị ảnh hưởng bởi hạn hán tại Nga, Canada và cắt giảm sản lượng của Pháp và Liên minh châu Âu. Giá lúa mì CBOT giao tháng 10/2021 đạt 189,2 USD/tấn, tăng 1,1 USD/tấn; giao tháng 11/2021 là 191,9 USD/tấn, tăng 1,2 USD/tấn và giao tháng 12/2021 là 197,6 USD/tấn.

- Trong nước

+ Diễn biến giá

Trong tháng 9/2021, giá các chủng loại nguyên liệu thức ăn chăn nuôi không có biến động lớn, một số chủng loại tăng nhẹ so với tháng trước. Cụ thể như sau: Giá khô đậu tương Nam Mỹ tại Vũng Tàu (hàng xá) là 13.850 đ/kg; tại Cái Lân (Quảng Ninh) là 13.250 đ/kg, tăng 50 đ/kg. Giá ngô Nam Mỹ nhập khẩu vẫn tăng so với cuối tháng trước. Tại Vũng Tàu là 7.800 – 8.650 đ/kg, tại Cái Lân là 8.550 đ/kg, tăng 50 - 100 đ/kg. Giá ngô nội tại Sơn La là 6.850 – 7.450 đ/kg; tại Hòa Bình là 7.850 đ/kg; tại Đắc Lắc là 7.700 đ/kg. Giá cám gạo (cám khô, xơ dưới 7%, không trộn) trong tháng 9/2021 giảm nhẹ so với tháng trước. Tại Đồng Tháp là 5.800 – 6.300 đ/kg; tại Kiên Giang là 6.400 đ/kg; tại Cần Thơ là 6.600 – 6.900 đ/kg.

Mặt bằng giá sản nguyên liệu (trừ bột 30%) trong tháng 9/2021 tại các vùng hầu hết ổn định, lượng mì đưa về từ Campuchia tiếp tục tăng. Nhu cầu tiêu thụ tại các tỉnh phía Nam khởi sắc hơn tháng trước. Nhiều nhà máy sản xuất tinh bột tại miền Bắc cũng bắt đầu hoạt động trở lại. Tại Tây Ninh là 5.700 – 6.600 đ/kg; tại Đắk Lắk là 5.800 – 6.500 đ/kg; tại Gia Lai là 5.500 – 6.000 đ/kg; tại một số tỉnh miền Bắc là 5.000 – 5.400 đ/kg.

Trong tháng 9/2021, giá thức ăn chăn nuôi thành phẩm khá ổn định sau thời gian tăng liên tục trong những tháng đầu năm. Trong đó, thức ăn đậm đặc dành cho heo con, có giá từ 15.400 – 16.100 đ/kg; Thức ăn đậm đặc Proconco loại cho gà thịt là 14.850 đ/kg; cám cho gà con là 12.050 – 14.550 đ/kg; cám cho gà thịt từ 10.050 – 13.800 đ/kg; cám cho gà đẻ là 10.100 - 13.500 đ/kg; thức ăn hỗn hợp Proconco loại cho heo từ 30 kg đến xuất chuồng là 12.050 – 14.250 đ/kg; cám cho heo nhỡ từ 15 kg - 30 kg có giá 11.200 – 14.100 đ/kg; cám cho heo từ 30 kg - xuất chuồng là 10.700 – 14.050 đ/kg.

Việt Nam đang có khoảng 265 nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu. Trong đó có khoảng 30 doanh nghiệp chuyên về nhập khẩu nguyên liệu phục vụ các nhà máy sản xuất thức ăn. Tính đến nay, số lượng nguyên liệu thức ăn chăn nuôi nhập khẩu về không có nhiều biến động mà vẫn giữ như mọi năm khoảng trên dưới 20 triệu tấn gồm khoảng 9,5 triệu tấn ngô, 500.000 tấn thức ăn bổ sung, nguồn protein khoảng 2 triệu tấn...Đại diện một số doanh nghiệp sản xuất thức ăn chăn nuôi phía Nam cho biết, dù đại dịch đã giảm nhiệt, một số tỉnh, thành đã nới giãn cách nhưng việc đi lại, lưu thông các mặt hàng nguyên liệu, thức ăn chăn nuôi giữa các vùng gặp nhiều khó khăn. Đặc biệt, chi phí phát sinh (nhân viên lấy mẫu nguyên liệu phân tích, chi phí test, xét nghiệm PCR, chi phí hoạt động "3 tại chỗ" ở doanh nghiệp...) tăng rất cao cũng ảnh hưởng nhiều đến giá bán sản phẩm đầu ra. Việt Nam nhập khẩu tới trên 90% nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi nên khi đại dịch Covid-19 diễn biến phức tạp làm đứt gãy hàng loạt chuỗi cung ứng, giá thành vận chuyển tăng cao.

+ Tình hình nhập khẩu

Trong hai tuần đầu tháng 9/2021, kim ngạch nhập khẩu thức ăn gia súc và nguyên liệu đạt 197,7 triệu USD, tính từ đầu năm đến giữa tháng 9/2021 kim ngạch nhập khẩu thức ăn gia súc và nguyên liệu đạt 3,53 tỉ USD. Trước đó, theo số liệu thống kê sơ bộ của Tổng cục Hải quan, kim ngạch nhập khẩu thức ăn gia súc và nguyên liệu trong tháng 8/2021 giảm 17,6% so với tháng 7/2021 và cũng giảm 2,3% so với tháng 8/2020, đạt 393 triệu USD. Tuy nhiên tính chung cả 8 tháng năm 2021 vẫn tăng mạnh 30,9% so với cùng kỳ năm 2020, đạt gần 3,33 tỉ USD.

- Dự báo: Dự báo giá thức ăn chăn nuôi cuối năm vẫn tiếp tục tăng bởi những khó khăn về vận chuyển và cước phí gia tăng.

Theo Cục Chăn nuôi (Bộ NNPTNT), đến thời điểm này chưa có hy vọng gì về việc giá thức ăn chăn nuôi sẽ giảm. Bởi lẽ hiện nay quá trình vận chuyển nguyên liệu TACN về Việt Nam vẫn gặp trục trặc, chi phí vận chuyển các mặt hàng này tăng cao từ 200-300% so với trước. Trong khi đó, do độ trễ của nguồn nguyên liệu thức ăn chăn nuôi khoảng trên 1 tháng nên các tháng cuối năm, có thể các doanh nghiệp sản xuất thức ăn chăn nuôi trong nước sẽ điều chỉnh tăng giá bán khoảng 1 đến 2 đợt. Khi các hoạt động xuất nhập khẩu quay trở lại bình thường thì giá thức ăn chăn nuôi mới có cơ hội giảm dần xuống



Nhập khẩu thuốc trừ sâu tiếp tục có chiều hướng tăng mạnh

Theo số liệu của Tổng cục Hải quan, kim ngạch nhập khẩu thuốc trừ sâu và nguyên liệu về Việt Nam trong 9 tháng năm 2021 tăng 22,2% so với cùng kỳ năm 2020, đạt gần 649,6 triệu USD. Trong đó, riêng tháng 9/2021, kim ngạch nhập khẩu nhóm hàng này đạt 60,7 triệu USD, giảm 12% so với tháng 8/2021 nhưng tăng 4,4% so với tháng 9/2020.

Trung Quốc là thị trường chủ yếu cung cấp thuốc trừ sâu và nguyên liệu cho Việt Nam, chiếm 44,7 % trong tổng kim ngạch nhập khẩu nhóm hàng này của cả nước, đạt gần 290,34 triệu USD, tăng 22% so với cùng kỳ năm trước. Riêng trong tháng 9/2021 nhập khẩu từ thị trường này giảm 17,3% so với tháng 8/2021 nhưng tăng 13% so với cùng tháng năm 2020,

đạt 25,52 triệu USD. Nhập khẩu thuốc trừ sâu và nguyên liệu thị trường Ấn Độ - thị trường lớn thứ 2 tăng rất mạnh 41,9% so với cùng kỳ, đạt 79,63 triệu USD, chiếm 13,3% trong tổng kim ngạch; Riêng trong tháng 9/2021 nhập khẩu từ thị trường này giảm mạnh 36,8% so với tháng 8/2021 nhưng tăng 4% so với cùng tháng năm 2020, đạt 6,8 triệu USD.

Nhập khẩu từ thị trường Singapore tháng 9/2021 tăng 8,5% so với tháng 8/2021 nhưng giảm mạnh 48,4% so với cùng tháng năm 2020, đạt 3,6 triệu USD. Tính chung, cả 9 tháng đạt 51,24 triệu USD, tăng 16,8% so với cùng kỳ năm trước, chiếm 7,9% trong tổng kim ngạch. Nhập khẩu từ thị trường Đức tháng 9/2021 tăng mạnh 62% với tháng 8/2021 và tăng 26,3% so với cùng tháng năm 2020, đạt 7,4 triệu USD. Tính chung, cả 9 tháng đạt 43,1 triệu USD, tăng 7,4% so với cùng kỳ năm trước, chiếm 6,6% trong tổng kim ngạch. Nhìn chung, trong 9 tháng đầu năm nay, Việt Nam nhập khẩu thuốc trừ sâu và nguyên liệu từ tất cả các thị trường chủ đạo đều tăng kim ngạch so với cùng kỳ năm 2020.

Nhập khẩu thuốc trừ sâu và nguyên liệu của Việt Nam trong 9 tháng năm 2021



Thị trường	T9/2021	So T9/2020 (%)	9T/2021	So 9T/2020 (%)
Tổng kim ngạch	60,695	4,4	649,5	22,24
Trung Quốc	25,5	13,09	290,3	21,96
Ấn Độ	6,79	4,08	79,6	41,86
Singapore	3,6	-48,42	51,2	16,83
Đức	7,4	26,28	43	7,38
Thái Lan	1,24	-70,56	28	8,35
Hàn Quốc	1,825	-29,26	25,1	6,98
Nhật Bản	1,758	-12,19	22,38	11,68
Pháp	3,4	600,5	19,8	62,65
Mỹ	2,12	823,24	18,39	98,61
Indonesia	089	22,33	14,47	41,83
Malaysia	0,96	-12,43	10,78	22,12
Anh	0,869	-43,54	7,79	-33,71

Nguồn: Ban biên tập Bản tin Thị trường - TT Thông tin Công nghiệp và Thương mại, Bộ Công Thương

THÔNG TIN XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI

Dừa sáp Trà Vinh lần đầu được xuất khẩu bằng đường hàng không sang Australia với số lượng lớn

Theo nguồn tin từ Thương vụ Việt Nam tại Australia, Thương vụ vừa đồng hành cùng doanh nghiệp đưa lô hàng 2.000 quả dừa sáp tươi Trà Vinh sang Australia tiêu thụ.

Đây là lần đầu tiên dừa sáp Trà Vinh được xuất khẩu bằng đường hàng không sang Australia với số lượng lớn, được phân phối hết sau thời gian ngắn đưa ra tiếp thị. Đặc biệt, với giá bán lẻ từ 30-35 AUD/quả (khoảng 600.000 đồng) dừa sáp Trà Vinh được đánh giá là một mặt hàng có giá trị cao.

Ngay sau khi sản phẩm được nhập khẩu vào Australia, Thương vụ đã triển khai quảng cáo trên mạng xã hội và đang phát hành ấn phẩm giới thiệu ẩm thực dừa sáp kết hợp với các loại trái cây Việt Nam, tạo thành combo

tiêu thụ trái cây Việt Nam để sau lô hàng này, dừa sáp Trà Vinh hiện diện mạnh mẽ hơn tại Australia. Đồng thời quảng bá đến cộng đồng người Australia về ẩm thực dừa sáp tươi như một loại pho mát tự nhiên.

Ngoài ra, Thương vụ cũng đã giới thiệu với bạn bè Australia dùng dừa sáp tươi, kết hợp chút muối thưởng thức cùng rượu vang Australia để có được cảm vị như một loại pho mát thiên nhiên. Cũng như sàu riêng trước đây khó chen chân vào Australia, nhưng với quyết tâm của Thương vụ và doanh nghiệp, sau hai năm đã có những thành công nhất định. Xác định quả dừa tươi tuy đã xuất khẩu sang Australia nhưng còn gặp nhiều cạnh tranh, doanh nghiệp và Thương vụ đang tiếp tục phối hợp thực hiện các biện pháp xây dựng thương hiệu dừa Việt Nam.

Thương vụ Việt Nam tại Australia nhận định, quả dừa là một loại nông sản tươi hiếm hoi không phải đàm phán mở cửa với Australia nên cơ quan này rất mong muốn doanh nghiệp Việt Nam đẩy mạnh khai thác thị trường này. Đồng thời, Thương vụ đề nghị nhà phân phối chú trọng khâu bảo quản dừa tươi ở nhiệt độ phù hợp tại các điểm bán lẻ để giữ chất lượng cạnh tranh.

Mở rộng thị trường cho hàng Việt thông qua xúc tiến thương mại trên nền tảng số

Bộ Công Thương cho biết Bộ đã và sẽ tiếp tục đồng hành cùng cộng đồng doanh nghiệp trong nước khai thác tốt các cơ hội thị trường, mở rộng xuất khẩu, đẩy nhanh quá trình khôi phục sản xuất thông qua đẩy mạnh xúc tiến thương mại trên nền tảng số. Hiện tại, Liên minh châu Âu (EU) luôn là một trong những thị trường trọng điểm cho triển khai các hoạt động xúc tiến thương mại (XTTM) của Bộ. Đặc biệt, từ khi Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU (EVFTA) có hiệu lực, hàng loạt sự kiện xúc tiến tiêu thụ, kết nối giao thương giữa doanh nghiệp Việt Nam và nhà nhập khẩu EU đã được thực hiện có hiệu quả.

Số liệu từ Bộ Công Thương cũng cho thấy, hàng năm có khoảng 10-15 đề án XTTM, kinh phí trung bình khoảng 20 tỷ đồng trực tiếp hỗ trợ hoặc hướng dẫn các doanh nghiệp, hiệp hội ngành hàng... tham gia. Sự xuất hiện thường xuyên, liên tục của doanh nghiệp Việt Nam tại các hội chợ chuyên ngành quy mô lớn đã tạo hiệu ứng lan tỏa, tích cực, dần xây dựng uy tín, hình ảnh sản phẩm Việt Nam tại thị trường EU.

Theo các chuyên gia, với EVFTA hàng hoá Việt Nam có cơ hội lớn gia tăng thị phần tại EU. Nhất là ở thời điểm hiện tại, nhu cầu tiêu dùng tại khu vực thị trường này tăng cao trong khi nguồn cung hàng hoá thiếu, nếu tận dụng được cơ hội sẽ giúp doanh nghiệp trong nước đẩy nhanh quá trình hồi phục sản xuất. Để hỗ trợ doanh nghiệp trong nước khai thác tối đa cơ hội từ EVFTA và cơ hội thị trường, bên cạnh việc tiếp tục duy trì sự hiện diện của doanh nghiệp Việt Nam tại các sự kiện XTTM chuyên ngành tại EU, Bộ Công Thương sẽ tiếp tục phối hợp với các hiệp hội ngành tăng cường hoạt động truyền thông quảng bá các mặt hàng nông, lâm, thủy sản, dệt may, da giày, đồ gỗ, điện tử - vốn là thế mạnh của Việt Nam hướng tới thị trường này. Bộ cũng thực hiện một số hoạt động hỗ trợ các doanh nghiệp nâng cao năng lực phát triển sản phẩm, đáp ứng các tiêu chí để đạt chứng nhận quốc tế cho sản phẩm như EuroGAP, VietGAP, GlobalGAP...; kết nối chuyên gia thiết kế và marketing trong và ngoài nước để cùng doanh nghiệp nghiên cứu, cải tiến mẫu mã, bao bì sản phẩm, nhận diện thương hiệu, thông điệp truyền thông thương hiệu giúp



gia tăng giá trị sản phẩm xuất khẩu. Cùng đó, tiếp tục phối hợp với các địa phương tăng cường các sự kiện xúc tiến đầu tư hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam đẩy mạnh hợp tác, liên kết sản xuất từ khâu đầu vào đến chế biến với các doanh nghiệp, đối tác EU đầu tư tại Việt Nam để dễ dàng đáp ứng được các quy tắc của EU.

Các sự kiện giao thương trực tuyến với nhà nhập khẩu EU nói riêng và nhà nhập khẩu trên toàn thế giới được tổ chức thành công thời gian quan cũng đồng thời phản ánh sự nhanh nhạy và linh hoạt trong ứng dụng công nghệ số để triển khai các hoạt động của Bộ Công Thương. Từ đầu năm đến nay, do không triển khai được các hoạt động XTTM truyền thống và trực tiếp, Bộ Công Thương đã và hỗ trợ các địa phương trên cả nước, hiệp hội ngành hàng tổ chức hàng trăm hội nghị kết nối cung cầu, hội chợ triển lãm trên môi trường số. Điển hình như các hội nghị kết nối cung-cầu xúc tiến tiêu thụ, xuất khẩu vải thiều Hải Dương, vải thiều Bắc Giang, nhãn lồng Hưng Yên, hội nghị giao thương trực tuyến với các thị trường xuất khẩu quan trọng như Trung Quốc, Hoa Kỳ, Singapore, Hà Lan, Ấn Độ, Thổ Nhĩ Kỳ, Nhật Bản, Singapore, Bulgaria, khối Mecosur, Đức... Bên cạnh đó, Bộ Công Thương đã tổ chức các hội chợ triển lãm quốc tế trực tuyến tại Việt Nam, lựa chọn các hội chợ triển lãm chuyên ngành có uy tín tại các thị trường tiềm năng để tổ chức cho doanh nghiệp tham gia gian hàng trực tuyến hoặc gian hàng từ xa.

Ngoài ra, Bộ Công Thương đang triển khai xây dựng hệ sinh thái XTTM một cách toàn diện, hiệu quả hỗ trợ doanh nghiệp thích ứng với xu thế của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 và tác động của dịch Covid-19. Hệ sinh thái bao gồm: Hệ thống kết nối giao thương trực tuyến nhằm kết nối các doanh nghiệp Việt Nam với các đối tác có nhu cầu nhập khẩu và giữa các doanh nghiệp với các tổ chức hỗ trợ kinh doanh nhằm tìm kiếm cơ hội mở rộng thị trường xuất khẩu; xây dựng cơ sở dữ liệu tập trung; xây dựng hệ thống công nghệ thông tin về truy xuất nguồn gốc sản phẩm; xây dựng phần mềm quản lý hội chợ, triển lãm, khuyến mại và các dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp và xây dựng nền tảng đào tạo trực tuyến phục vụ sản xuất kinh doanh, xúc tiến thương mại và phát triển xuất khẩu.

Triển lãm quốc tế công nghiệp thực phẩm Việt Nam năm 2021 tiếp tục được diễn ra dưới hình thức trực tuyến

Triển lãm quốc tế công nghiệp thực phẩm Việt Nam năm 2021 (Virtual Vietnam Foodexpo 2021), nằm trong khuôn khổ Chương trình Xúc tiến thương mại cấp quốc gia hàng năm, do Bộ Công Thương chủ trì, Cục Xúc tiến thương mại tổ chức sẽ tiếp tục được diễn ra dưới hình thức trực tuyến từ ngày 7-12/12/2021.

Các gian hàng trưng bày tại triển lãm được thể hiện dưới các công nghệ 2D, 3D/VR360 cung cấp hình ảnh, tư liệu trưng bày một cách sinh động nhất kèm theo các hình thức tương tác đa dạng như video call, chatbox,



meeting conference... Đặc biệt, ngoài các tính năng kết nối mạnh mẽ, gian hàng trực tuyến tại Vietnam Foodexpo 2021 còn là “Trợ lý ảo” đặc lực cho nhà trưng bày trong việc thuyết minh, trình chiếu trực tiếp sản phẩm đồng thời “phát hiện” và tìm kiếm khách tham quan tiềm năng như tự động thông báo mọi hành vi của khách hàng khi họ truy cập vào gian hàng thực tế ảo, xem sản phẩm, tài liệu quảng bá hay muốn đặt lịch hẹn với nhà trưng bày...

Dự kiến, Vietnam Foodexpo 2021 trực tuyến dự kiến sẽ thu hút sự tham gia của đông đảo các doanh nghiệp lớn, thương hiệu, sản phẩm uy tín của Việt Nam và quốc tế trong lĩnh vực thực phẩm chế biến, nông sản và thủy sản.

Triển lãm cũng đồng thời mang đến những giải pháp tổng thể cho ngành công nghiệp thực phẩm Việt Nam trong việc cập nhật các xu hướng tiêu thụ mới, những giải pháp mới về phát triển sản phẩm, những bài học kinh nghiệm thành công về mở rộng thị trường, những môi liên kết chiến lược giữa các nhà lãnh đạo doanh nghiệp trong ngành trong các chuỗi cung ứng sản phẩm thực phẩm... thông qua hàng loạt các chương trình hội nghị, hội thảo giao thương trực tuyến theo chủ đề trong suốt thời gian diễn ra triển lãm.

Nguồn: Ban biên tập Bản tin Thị trường - TT Thông tin Công nghiệp và Thương mại, Bộ Công Thương

GIAO THƯƠNG

Nhận cung cấp giống chanh dây RP8

Doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp nhận cung cấp giống chanh dây RP8 có chất lượng vượt trội so với các loại hiện có trên thị trường, đạt tiêu chuẩn xuất khẩu.

Thông tin sản phẩm:

+ Đặc điểm cây giống chanh dây RP8

- Chiều cao cây giống cao > 30cm.

- Ngọn ghép cao 5cm; Mắt ghép tiếp hợp tốt;

Mầm chồi ghép cao > 5cm.

- Cây giống khỏe có thể trồng trực tiếp trong điều kiện đã chuẩn bị đất kỹ lưỡng và có biện pháp che chắn đảm bảo.

- Gốc thực sinh được lựa chọn từ cây giống nguồn gốc mọc tự nhiên, khỏe, kháng bệnh tốt, phù hợp với khí hậu và thổ nhưỡng các vùng Cao Nguyên Việt Nam.

- Bộ rễ khỏe, trắng, độ phủ chiếm 60-70% bầu giá thể.

+ Ưu điểm của cây chanh dây RP8

- Giống được Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn công nhận chính thức và được cấp Giấy chứng nhận cây đầu dòng.

- Sản xuất theo công nghệ độc quyền của Đài Loan: Quy trình sản xuất, nhập khẩu trực tiếp cây mẹ, phân bón, giá thể.

- Năng suất cao.

- Quả to và nhiều dịch, vỏ cứng và lên màu tím đẹp, đạt tiêu chuẩn xuất khẩu thị trường Mỹ, Châu Âu.

Thông tin liên hệ:

Công ty CP Quốc Tế Thông Đỏ

Địa chỉ: Số 73 Dương Văn An, TP.Thủ Đức, TP.HCM

ĐT: 0961255255 - 0975 066 660

Cần mua cá bò da- cá chêm

Cơ sở kinh doanh hàng thủy sản tại địa bàn phía nam đang có nhu cầu thu mua số lượng lớn cá bò da và cá chêm để xuất khẩu đi Singapore.

Thông tin liên hệ:

Người liên hệ: Ms Loan

ĐT: +6591400941; Viber-zalo: +84973486869

Email: loan.nguyen6869@gmail.com

Tìm nguồn tiêu thụ màng phủ nông nghiệp, màng phủ đất

Cơ sở cung ứng vật tư nông nghiệp tại địa bàn miền bắc cần tìm nguồn tiêu thụ cho màng phủ nông nghiệp, màng phủ đất.

Thông tin sản phẩm:

Màng phủ nông nghiệp được sản xuất từ các hạt PE nguyên sinh nhập khẩu, chất tạo màu, chất chống oxy hóa, chống tia UV.

+ Chiều rộng cuộn: 1,2m/ 1,4m/ 1,8m, 2m

+ Chiều dài cuộn: 400m

+ Bề dày cuộn: 27mic

Thông tin liên hệ:

Cơ sở cung ứng màng phủ nông nghiệp, màng phủ đất

Địa chỉ: Đường CN4, KCN Từ Liêm, Hà Nội

ĐT: 0971682666; - 0938261888



Cần mua bắp hạt với số lượng lớn

Doanh nghiệp thương mại hàng nông sản đang có nhu cầu mua số lượng lớn các loại bắp hạt Việt Nam và Ấn Độ để xuất khẩu sang các nước trong khu vực và sản xuất.

Nếu đối tác có nguồn hàng tốt, doanh nghiệp sẽ mua với giá hợp lý, phương thức thanh toán nhanh chóng.

Thông tin liên hệ:

Liên hệ báo giá và trao đổi thông tin trực tiếp theo số điện thoại 0902695246 (Gặp Ngọc).

Nhận cung cấp khoáng nguyên liệu kali trắng cho tôm

Doanh nghiệp thương mại vật tư nông nghiệp tại địa bàn TP.HCM nhận cung cấp khoáng nguyên liệu kali trắng, kali VINACAM cho tôm.

Thông tin sản phẩm:

Đặc tính: Màu trắng, không mùi, vị hơi mặn

Công dụng:

Dùng xử lý nước thải, phân bón

Bổ sung Kali trong ao nuôi thủy sản.

K+ có vai trò quan trọng trong quá trình trao đổi chất của tôm.

Tôm thẻ chân trắng có biểu hiện biếng ăn, hoạt động kém, tăng trưởng chậm, thậm chí chết khi thiếu K+.

Trung hòa kiềm và acid trong ao nuôi.

Quy cách: 50 kg/bao

Xuất xứ: Israel (Vinacam)

Thông tin liên hệ:

Công ty TNHH XNK Quỳnh Thiên Phát

Địa chỉ: Số 2 Đường N2, Q.12, TP.HCM.

Website: <https://quynhthienphat.com.vn/>

Facebook: <https://www.facebook.com/Congtytnhxnkquynhthienphat>

Người liên hệ: Ms Quyên

ĐT : 034 2210 968 (Zalo) – 091 6971 948

Email: vothiquyen1195@gmail.com

Cần bán rau củ số lượng lớn

Cơ sở kinh doanh hàng nông sản cần bán số lượng lớn nông sản bao gồm mướp nhật, mướp hương và bí xanh.

Thông tin sản phẩm:

- Sản phẩm mướp nhật đạt chứng nhận OCOP 3 sao.

- Sản phẩm mướp hương và bí xanh đều đạt chứng nhận VietGAP.

- Chỉ bán buôn số lượng lớn.

Thông tin liên hệ:

Người liên hệ: Vũ Dương

ĐT: 0337313535

Email: dangduong.vu@gmail.com

Nhận cung ứng khoai tây giống nhập khẩu Hà Lan

Doanh nghiệp kinh doanh nông sản tại địa bàn phía bắc nhận cung cấp giống khoai tây Hà Lan nhập khẩu từ công ty hàng đầu thế giới Agrico Hà Lan.

Thông tin sản phẩm:

Là giống khoai được bà con tin dùng trong nhiều năm.

Các giống Makies vỏ vàng, Esmee vỏ hồng

Năng suất vượt trội hơn so với khoai trong nước, đạt trung bình 20-30 tấn/ha, tương đương 850-1100kg/sào bắc bộ 360 m².

Chống chịu tốt với bệnh sương mai.

Thời gian sinh trưởng ngắn: 85-90 ngày

Nông dân sẽ được đồng hành, tư vấn kỹ thuật của các chuyên gia.



Thông tin liên hệ:

Fresh Studio Hà Nội

Người liên hệ: Đỗ Văn Toàn

Địa chỉ: Quảng An, Tây Hồ, Hà Nội

ĐT: 0862562992

Nhận cung cấp các loại đậu với số lượng lớn

Doanh nghiệp kinh doanh hàng nông sản tại địa bàn phía nam cung cấp với số lượng lớn ĐẬU XANH, ĐẬU NÀNH (GMO và Non-GMO) phục vụ trong chế biến thực phẩm tiêu dùng, chế biến thức ăn chăn nuôi,... có thể đáp ứng mọi nhu cầu cao nhất.

Thông tin sản phẩm:

- Sản phẩm có xuất xứ từ nhiều nước như Campuchia, Úc, Canada,... Đây đều là những đối tác uy tín với khả năng cung cấp lớn đảm bảo nguồn cung quanh năm.

- Chất lượng sản phẩm của doanh nghiệp luôn đảm bảo bằng kiểm tra chất lượng của SGS.

- Dựa trên hạt đậu chất lượng tốt, năng lực ổn định cũng như giá cả hợp lý.

Thông tin liên hệ:

Người liên hệ: Đặng Quốc Dương

Địa chỉ: Tòa nhà Maple Tree, Q7, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0339993686

Email: jacho.dang@welhunt.com

Nhận cung cấp khoai môn, khoai mỡ đông lạnh xuất khẩu

Doanh nghiệp thương mại nông sản tại địa bàn phía nam nhận cung cấp khoai môn đông lạnh, khoai mỡ đông lạnh xuất khẩu với số lượng lớn.

Thông tin sản phẩm:

Sản phẩm đạt chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm.

Doanh nghiệp cung cấp số lượng lớn và ổn định, giá cả cạnh tranh nhất, nhận đóng gói theo yêu cầu của khách hàng.

Thông tin liên hệ:

Các cá nhân, tổ chức có nhu cầu cho sản phẩm vui lòng liên hệ trực tiếp với doanh nghiệp để được tư vấn và báo giá cụ thể.

Người liên hệ: Ms Gia

ĐT: 0356.186.143

Địa chỉ: Long Khánh, Đồng Nai

Email: purchasing01.vika@gmail.com

Nhận cung cấp ngô bao tử số lượng lớn

Cơ sở kinh doanh hàng nông sản tại địa bàn phía nam nhận cung cấp bắp bao tử với số lượng lớn.

Thông tin sản phẩm:

Các loại bắp non theo kích cỡ có nhận gia công đóng khay và phân phối khắp thị trường trong và ngoài nước.

Giá cả phải chăng, có giao hàng tới Sài Gòn và các tỉnh, số lượng tối thiểu là 50kg.

Thông tin liên hệ:

Người liên hệ: Ms. Hằng

ĐT: 0937392133

Địa chỉ: Phạm Thế Hiển, phường 07, Quận 8, Hồ Chí Minh

Email: hangtran078@gmail.com

Nguồn: Ban biên tập Bản tin Thị trường - TT Thông tin Công nghiệp và Thương mại, Bộ Công Thương



THÔNG TIN CẢNH GIÁC

Đường nhập khẩu tiếp tục gây sức ép lên đường nội địa

Trong bối cảnh ngành mía đường trong nước vẫn đang đối diện nhiều khó khăn khi năng suất, chất lượng đều giảm sút thì đường nhập khẩu tiếp tục gia tăng khó kiểm soát, gây sức ép mạnh lên thị trường.

Hiệp hội Mía đường Việt Nam (VSSA) nhận định, việc nhập khẩu đường đang có diễn biến bất thường. Đường từ Thái Lan "quá giang" Campuchia, Lào, Malaysia, Myanmar, Indonesia rồi tuồn vào Việt Nam để lẩn tránh thuế. Trước đó, cả 5 quốc gia này chưa từng xuất khẩu đường sang Việt Nam.

VSSA cho rằng có dấu hiệu rõ ràng của động thái lẩn tránh thuế chống bán phá giá (CBPG) và chống trợ cấp (CTC) đối với sản phẩm đường có xuất xứ từ Thái Lan.

Theo ông Nguyễn Văn Lộc, Tổng Thư ký VSSA, đường Thái Lan đã được chuyển sang các nước láng giềng để bán vào Việt Nam với số lượng cực lớn. Tình trạng này là do trước đó, Bộ Công Thương ban hành quyết định về việc áp dụng biện pháp CBPG và CTC tạm thời đối với sản phẩm đường mía xuất xứ từ Thái Lan. Theo đó, các công ty sản xuất, xuất khẩu Thái Lan bị áp thuế tạm thời 48,88% đối với đường tinh luyện và 33,88% đối với đường thô, gồm thuế CBPG và thuế CTC.

Từ cuối tháng 10/2020, các thương nhân nhập khẩu đường Việt Nam đã ráo riết tìm mua đường có xuất xứ ASEAN ngoài Thái Lan như Malaysia, Indonesia, Myanmar, Campuchia để đưa vào thị trường nước ta, tạo ra sức ép lên đường trong nước. Theo ước tính, cả năm 2020, tổng lượng đường nhập khẩu của Việt Nam lên đến 1,384 triệu tấn, tăng gần 4 lần so với năm 2019.

Theo thời gian qua, bất chấp dịch Covid-19, buôn lậu đường vẫn diễn biến phức tạp tại khu vực biên giới Tây Nam. Tính riêng trong 8 tháng năm 2021, Campuchia nhập khẩu 393.414 tấn đường từ Thái Lan và xuất bán chính thức sang Việt Nam hơn 100.000 tấn, gần 300.000 tấn còn lại được tập kết tại biên giới để tìm mọi cách tuồn vào nước ta.

Điều đáng nói, việc nhập khẩu đường ồ ạt diễn ra giữa lúc ngành mía đường trong nước đang đối diện nhiều khó khăn. Niên vụ 2020-2021 là năm khó khăn chung của ngành mía đường. Nông dân không mặn mà với cây mía dẫn đến năng suất, chất lượng và sản lượng mía đều giảm. Diện tích trồng mía còn 187.100 ha, giảm 19,83% so với vụ trước.

Mía được đưa vào các nhà máy đường chế biến khoảng 6,7 triệu tấn, giảm gần 1 triệu tấn so với dự kiến. Sản lượng đường sản xuất được là 901.230 tấn, giảm 78.124 tấn, trong đó 10,17% so với vụ trước và thấp nhất trong 20 vụ gần đây. Gần 1/2 nhà máy đường đã "roi rụng", từ 41 nhà máy hiện còn 24 nhà máy.

Sau khi Bộ Công Thương ban hành quyết định về việc áp dụng biện pháp CBPG và CTC, các nhà máy đường đã nâng giá mua mía từ mức 800.000 đồng - 850.000 đồng/tấn lên 900.000 đồng - 1,1 triệu đồng/tấn tùy theo vùng nhằm khuyến khích nông dân duy trì diện tích mía. Tuy nhiên, từ những tháng đầu năm, đường có nguồn gốc nhập khẩu, bao gồm nhập chính ngạch và nhập lậu, tiếp tục làm chủ thị trường.

Đường sản xuất từ mía trong nước hầu như không thể tiêu thụ được trước sự cạnh tranh của các loại đường có nguồn gốc nhập khẩu. Lượng đường nhập khẩu chỉ trong 8 tháng năm 2021 còn lớn hơn cả sản lượng đường sản xuất trong nước vụ 2020-2021, càng gây khó khăn cho các nhà máy đường.

Nhận định về tình hình này, lãnh đạo các doanh nghiệp đường trong nước cho rằng đường nhập khẩu đang tràn ngập với số lượng quá lớn tiếp tục lũng đoạn giá khiến đường sản xuất trong nước vẫn không tiêu thụ được, doanh nghiệp tiếp tục gặp khó khăn, nông dân lại chọn rời xa cây mía... Đây chính là vòng luẩn quẩn, mãi không có lối thoát nhiều năm qua. Từ thực tế này, cần có giải pháp ngăn chặn đường nhập lậu cũng như đường Thái Lan mơn xuất xứ các nước trong khu vực để bán sang Việt Nam. Có như vậy mới giúp được nhà máy đường trong nước ổn định sản xuất, hợp tác cùng nông dân phát triển vùng trồng mía.

Nguồn: Ban biên tập Bản tin Thị trường - TT Thông tin Công nghiệp và Thương mại, Bộ Công Thương



THÔNG TIN AN TOÀN THỰC PHẨM

Thực phẩm chứa cần sa tiềm ẩn nhiều nguy hại cho sức khỏe

Thời gian qua, trên thị trường xuất hiện nhiều loại cần sa được nguy trang tinh vi dưới dạng thực phẩm như "bánh cần", "kẹo mút cần" gây khó khăn cho công tác kiểm tra, xử lý. Trong khi đó, nhiều người dùng, đặc biệt là trẻ em, vẫn chưa hiểu rõ những nguy hại mà loại thực phẩm này gây ra đối với sức khỏe.

Diễn hình là vụ việc nghiêm trọng mới xảy ra tại Quảng Ninh liên quan tới loại kẹo cần sa. Theo đó, nhiều học sinh sau khi ăn kẹo có kết quả xét nghiệm dương tính với ma túy tại trường THPT Hoàn Bò xuất phát từ 1 loại thực phẩm chức năng có nguồn gốc từ Mỹ, được chiết xuất từ cây cần sa. Số thực phẩm chức năng này do người thân của 1 học sinh mang về từ Mỹ và được mang đến trường sử dụng.

Kết quả kiểm tra cho thấy, thành phần ghi trên vỏ kẹo là một trong những nhóm hợp chất hóa học được xác định có trong cần sa được gọi là Tetrahydrocannabinol - THC. THC là chất có ảnh hưởng đến hệ thần kinh trung ương con người, tạo ra cảm giác hưng phấn; biến dạng thời gian; và nhiều tác động khác.

Theo các chuyên gia y tế, số lượng THC - thành phần hoạt chất trong cần sa rất khó đo lường và không được biết đến trong những thực phẩm này. Nếu người dùng có các loại thuốc khác trong cơ thể, nó có thể chuyển hóa lượng THC khác nhau, khiến nồng độ THC trong máu tăng gấp 5 lần một cách vô cùng nguy hiểm. Các triệu chứng quá liều do ăn thực phẩm chứa cần sa thường nghiêm trọng hơn triệu chứng quá liều do hút cần sa.

Tác động tiêu cực khi ăn thực phẩm chứa cần sa thường xảy ra như: Loạn thần; ảo giác; hoang tưởng; các cơn hoảng loạn; khả năng vận động kém...

Các quan chức y tế Mỹ mới đây cũng đưa ra thông tin cảnh báo về những nguy hiểm tiềm tàng của "delta-8 THC" - một hợp chất có nguồn gốc từ cần sa.

Delta-8 tetrahydrocannabinol (THC) là một trong hơn 100 hợp chất được gọi là "cannabinoids". Chúng thường được tìm thấy trong cây cần sa và tương tự như delta-9 THC - hợp chất tác động tâm thần, gây hưng phấn cho người dùng cần sa. Delta-8 THC được ước tính có tác dụng tâm thần khoảng 50% - 75% so với delta-9 THC. Song, chất này chỉ được sản xuất tự nhiên với hàm lượng rất thấp trong cây cần sa.

Vì lý do này, một số nhà sản xuất sử dụng hóa chất để chuyển đổi các cannabinoid khác, không tác động đến thần kinh. Chẳng hạn, họ chuyển đổi cannabidiol (CBD) thành delta-8 THC. Theo Cục Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Mỹ (FDA), quá trình này có thể tạo ra các sản phẩm phụ hoặc chất gây ô nhiễm có hại cho sức khỏe của con người.

Ngoài ra, các sản phẩm có chứa delta-8 THC đôi khi được dán nhãn đơn giản là "cây gai dầu". Đây là một thuật ngữ dùng để chỉ các bộ phận của cây cần sa không tác động xấu tới thần kinh. FDA cho biết, việc ghi nhãn như vậy có thể khiến người tiêu dùng hiểu nhầm rằng, họ đang dùng một sản phẩm không gây tác động tới thần kinh.

Gần đây, Hiệp hội Trung tâm Kiểm soát Chất độc Mỹ bắt đầu theo dõi các sự kiện bất lợi liên quan đến delta-8 THC. Cơ quan này phát hiện, từ ngày 1/1 đến ngày 31/7 năm nay, đã có 660 báo cáo về tình trạng phơi nhiễm delta-8 THC, tương đương gần 20%.

Gần 40% các trường hợp này liên quan đến trẻ em dưới 18 tuổi. FDA lưu ý rằng, các nhà sản xuất thực phẩm chứa delta-8 THC thường đóng gói và dán nhãn sản phẩm theo cách nhằm thu hút trẻ em. Trong đó, bao gồm việc bán các sản phẩm như kẹo cao su, socola, bánh quy hoặc kẹo.

Từ những phân tích trên, các cơ quan chức năng y tế cho hay những sản phẩm được dán nhãn là cây gai dầu hoặc CBD có thể chứa delta-8 THC và có tác động không tốt tới thần kinh.

Phụ huynh được khuyến cáo nên để những sản phẩm có chứa THC hoặc CBD tránh xa trẻ em và vật nuôi. Những người bị ảnh hưởng nghiêm trọng từ các sản phẩm THC hoặc CBD nên nhanh chóng liên hệ cơ quan kiểm soát chất độc hoặc cơ sở y tế. Các bậc phụ huynh cũng nên đọc kỹ nhãn mác, bao bì của những gói bánh kẹo mà con mình mua hoặc được cho. Cần giáo dục con em về tác hại của các chất ma túy, đặc biệt là nhóm trẻ vị thành niên có xu hướng muốn khẳng định bản thân, tò mò trước những điều mới mẻ...

Nguồn: Ban biên tập Bản tin Thị trường - TT Thông tin Công nghiệp và Thương mại, Bộ Công Thương

GIÁ CẢ THỊ TRƯỜNG

Giá cả trong tỉnh

T T	Tên sản phẩm	Giá cả TT Ngày 01/11/2021	Giá cả TT Ngày 08/11/2021	T T	Tên sản phẩm	Giá cả TT Ngày 01/11/2021	Giá cả TT Ngày 08/11/2021
I	Thực phẩm tiêu dùng			9	Dưa leo	16.000	20.000
1	Cá điêu hồng	50.000	50.000	10	Khoai cao	20.000	20.000
2	Cá lóc nuôi	55.000	55.000	11	Nấm rơm	90.000	90.000
3	Cá kèo nuôi	85.000	85.000	12	Bắp cải trắng	26.000	26.000
4	Cá rô phi	40.000	40.000	13	Đậu que	26.000	28.000
5	Cá trê nuôi	38.000	38.000	14	Đậu đũa	20.000	20.000
6	Cá tra (cá hú)	55.000	60.000	15	Cà tím	15.000	15.000
7	Cá tra thịt trắng	45.000	40.000	16	Bí đao	20.000	12.000
8	Lươn loại 1	210.000	200.000	17	Bí rợ (bí đỏ)	16.000	16.000
9	Ếch nuôi	55.000	50.000	18	Ớt	55.000	45.000
10	Tôm càng xanh	250.000	245.000	19	Gừng	25.000	18.000
11	Mực ống loại lớn	170.000	170.000	20	Đậu bắp	14.000	15.000
12	Thịt heo đùi	90.000	90.000	21	Khô qua	20.000	24.000
13	Thịt heo nạc	110.000	90.000	22	Bầu	26.000	26.000
14	Thịt heo ba rọi	110.000	95.000	23	Cà chua	16.000	16.000
15	Thịt bò đùi	210.000	210.000	III	Trái cây		
16	Thịt bò phi lê (thăn)	220.000	220.000	1	Quýt đường	30.000	35.000
17	Vịt làm sẵn (nguyên con)	80.000	80.000	2	Bưởi năm roi	32.000	30.000
18	Thịt gà ta (nguyên con)	120.000	125.000	3	Xoài cát Hòa Lộc	35.000	45.000
19	Trứng gà ta	3.500	3.600	4	Xoài cát chu	20.000	15.000
20	Trứng gà công nghiệp	2.600	2.500	5	Táo Mỹ	80.000	80.000
21	Trứng vịt	2.800	2.500	6	Táo xanh	80.000	80.000
II	Rau củ quả			7	Dưa hấu	12.000	10.000
1	Cải xanh	12.000	18.000	8	Sapo	22.000	22.000
2	Cải ngọt	12.000	18.000	9	Cam mật	20.000	20.000
3	Cải thìa	12.000	20.000	10	Cam sành	24.000	22.000
4	Rau muống	14.000	14.000	11	Thanh Long	16.000	20.000
5	Rau mồng tơi	12.000	15.000	12	Chôm chôm nhãn	25.000	25.000
6	Cải xà lách	26.000	24.000	13	Mãng cầu xiêm	30.000	28.000
7	Hành lá	45.000	50.000	14	Mãng cầu ta	30.000	30.000
8	Củ kiệu	22.000	22.000	15	Ổi	10.000	15.000

Nguồn: Tiểu thương chợ Trà Vinh (Biên soạn lại: Phạm Thành Nam - Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến Thương mại TV)

GIÁ CẢ THỊ TRƯỜNG

Giá cả khu vực đồng bằng sông Cửu Long

T	Tên sản phẩm	Giá cả TT Ngày 01/11/2021	Giá cả TT Ngày 08/11/2021	T	Tên sản phẩm	Giá cả TT Ngày 01/11/2021	Giá cả TT Ngày 08/11/2021
I	Thực phẩm tiêu dùng			31	Cần tàu	25.000	25.000
1	Cải ngọt	15.000	15.000	32	Kiệu	25.000	25.000
2	Cải xanh	16.000	14.000	33	Bầu	12.000	12.000
3	Củ cải trắng	25.000	25.000	34	Muróp	11.000	11.000
4	Rau muống	13.000	15.000	II	Trái cây		
5	Cải xoong	30.000	30.000	1	Cam sành	22.000	22.000
6	Rau dền	12.000	12.000	2	Cam mật	20.000	20.000
7	Mồng toi	12.000	12.000	3	Quýt đường	28.000	30.000
8	Bông bí	25.000	25.000	4	Bưởi năm roi	32.000	30.000
9	Xà lách	20.000	20.000	5	Bưởi da xanh	35.000	35.000
10	Su su	25.000	25.000	6	Xoài cát Chu	20.000	15.000
11	Bắp non	30.000	30.000	7	Xoài cát Hoà Lộc	30.000	45.000
12	Cà rốt	25.000	25.000	8	Xoài Đài Loan	14.000	20.000
13	Khoai tây	25.000	25.000	9	Chôm chôm nhãn	25.000	25.000
14	Củ dền	25.000	25.000	10	Chôm chôm Java	22.000	22.000
15	Cải thảo	25.000	25.000	11	Mãng cầu xiêm	30.000	30.000
16	Dưa leo	12.000	15.000	12	Mãng cầu ta	30.000	28.000
17	Cà tím	20.000	20.000	13	Dưa hấu	12.000	10.000
18	Bí đao	13.000	15.000	14	Thanh Long	14.000	20.000
19	Bí rợ	25.000	22.000	15	Sapo	22.000	22.000
20	Đậu bắp	12.000	15.000	16	Ổi	12.000	15.000
21	Khô qua	20.000	20.000	17	Táo xanh	80.000	80.000
22	Cà chua	20.000	20.000	18	Táo Mỹ	80.000	80.000
23	Hành lá	25.000	25.000	19	Táo Trung Quốc	45.000	45.000
24	Hẹ	30.000	30.000	20	Nho Mỹ	180.000	180.000
25	Khoai cao	30.000	30.000	III	Gạo		
26	Bắp cải trắng	30.000	30.000	1	Gạo thơm Jasmine	16.000	16.000
27	Đậu que	12.000	12.000	2	Gạo Hương Lài	19.000	19.000
28	Đậu đũa	10.000	10.000	3	Gạo thơm Đài Loan	20.000	20.000
29	Mãng tươi	45.000	45.000	4	Gạo Nàng Hoa	17.500	17.500
30	Ốt	45.000	45.000	5	Gạo thường	15.000	14.000

Nguồn: Sở Nông nghiệp An Giang (Biên soạn lại: Phạm Thành Nam - Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến Thương mại TV)

THÔNG TIN GIỚI THIỆU VỀ SẢN PHẨM OCOP TỈNH TRÀ VINH

TINH BỘT NGHỆ (OCOP 3 SAO) HỘ KINH DOANH PHẠM THỊ PHÚ PHÚC



Chịu trách nhiệm xuất bản:

PHẠM VĂN TÁM

Giám đốc Sở Công Thương

Ban Biên tập:

NGUYỄN THỊ MỘNG THU - Trưởng ban

VÕ MINH CẦM - Phó Trưởng ban

XUẤT BẢN PHẨM KHÔNG BÁN

In: 500 cuốn, khổ 19 x 27 cm. Tại Công ty Cổ phần VHTH Trà Vinh. Giấy phép xuất bản số 01/GP-XBBT do Sở Thông tin và Truyền thông cấp ngày 01/3/2021. In xong và nộp lưu chiểu tháng 11 năm 2021.